

**Tên Công ty đại chúng:**

**CTY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: 2045 Trần Hưng Đạo, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 84 2963 932963 Fax: 84 2963 932981

E-mail: [xnknstpagg@hcm.vnn.vn](mailto:xnknstpagg@hcm.vnn.vn) – Website: [www.afiex.com.vn](http://www.afiex.com.vn)

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

### **NĂM 2018**

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG:</b> .....	<b>3</b>
I.1. Thông tin khái quát:.....	3
I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	4
I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý: .....	5
I.4. Định hướng phát triển :.....	7
I.5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp: .....	8
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:</b> .....	<b>9</b>
II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh : .....	9
II.2. Tổ chức và nhân sự:.....	11
II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	16
II.4. Tình hình tài chính:.....	17
II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu:.....	18
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:</b> .....	<b>19</b>
III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	19
III.2. Tình hình tài chính:.....	22
III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: .....	23
III.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....	24
III.5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty: .....	29
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:</b> .....	<b>29</b>
IV.1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Cty:.....	29
IV.2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty: .....	31
IV.3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị:.....	31
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:</b> .....	<b>32</b>
V.1. Hội đồng quản trị:.....	32
V.2. Ban kiểm soát: .....	34
V.3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:.....	34
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:</b> .....	<b>36</b>



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: **CÔNG TY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**  
Năm báo cáo: **2018**

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### I.1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

- Tên tiếng Anh: **An Giang Agriculture and Foods Import – Export Joint Stock Company**

- Tên viết tắt: **AFIEX**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 1600194461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 07 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 05 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 04 năm 2017.

- Vốn điều lệ : **350.000.000.000 VND**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : **350.000.000.000 VND**

- Trụ sở chính : số 2045 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại : (0296) 3932 963

- Fax : (0296) 3932 981

- E-mail : [xnknstpagg@hcm.vnn.vn](mailto:xnknstpagg@hcm.vnn.vn)

- Website : <http://www.afiex.com.vn>

- Mã cổ phiếu : **AFX**

- Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập năm 1990 theo Quyết định số 71/QĐ.UB.TC ngày 10/02/1990 của UBND tỉnh An Giang với tên gọi Công ty XNK Nông Thủy sản An Giang, hoạt động theo loại hình doanh nghiệp nhà nước. Đổi tên và thành lập lại với tên gọi Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 69-QĐ/UB ngày 29/01/1996 của UBND tỉnh An Giang, loại hình doanh nghiệp nhà nước. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1808/QĐ-





UBND ngày 22/09/2010 của UBND tỉnh An Giang và chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần từ ngày 01/4/2011.

Trở thành Công ty đại chúng theo văn bản số 148/CQĐD-NV ngày 06/7/2011 của Ủy ban chứng khoán nhà nước- cơ quan đại diện tại TP Hồ Chí Minh. Đủ điều kiện trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn theo qui định của Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính.

Công ty đã đăng ký chứng khoán và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp mã chứng khoán theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 108/2016/GCNCP-VSD ngày 29/09/2016.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên hệ thống cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 758/QĐ-SGDHN ngày 21/11/2016 và được chính thức giao dịch trên thị trường này vào ngày 02/12/2016 theo Thông báo số 1212/TB-SGDHN ngày 21/11/2016.

## **I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

### **I.2.1. Ngành nghề kinh doanh:**

Các lĩnh vực kinh doanh chính: lương thực và thức ăn chăn nuôi thủy sản.

Các lĩnh vực kinh doanh khác: chăn nuôi gia súc, nuôi thủy sản, dịch vụ chăn nuôi, dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK, liên doanh bán lẻ tổng hợp....

#### **I.2.1.a. Kinh doanh chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản:**

Với năng lực kho chứa: 22.000 Tấn cho kho nguyên liệu, 1.000 Tấn cho kho thành phẩm. Công suất thiết kế 100.000 Tấn/năm bao gồm 04 dây chuyền sản xuất theo công nghệ Hà Lan, Mỹ, Đài Loan. Hiện nay, Chi nhánh đã cung cấp ra thị trường 53 loại sản phẩm khác nhau với các loại thức ăn ở dạng bột, cán mảnh, viên, viên nổi cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản. Trong đó thức ăn cho thủy sản là thế mạnh của TĂCN, hiện các sản phẩm dành cho cá có vây, cá lóc, cá kèo, cá trê vàng đang là những sản phẩm chiến lược được ưa chuộng trên thị trường.

#### **I.2.1.b. Kinh doanh chế biến lương thực:**

Trong những năm qua, Afix đã không ngừng nâng cao năng lực chế biến gạo để cung cấp các loại gạo trắng xuất khẩu: 5%, 10%, 15%, 25% tấm, gạo thơm, gạo cao cấp...cho các thị trường Châu Á, Châu Phi, Trung Đông... Năng lực kho chứa (qui gạo) 80.000 Tấn, công suất chế biến xát trắng và lau bóng gạo 200.000



Tấn/năm, tách hạt khác màu 40.000 Tấn/năm, sấy lúa công nghiệp 50.000 Tấn/năm, xay xát lúa 36.000 Tấn/năm.

### I.2.2. Địa bàn kinh doanh:

- Thị trường trong nước: Chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành khác trên cả nước.

- Hoạt động xuất khẩu – nhập khẩu chủ yếu:

+ Xuất khẩu: Gạo, nông sản cho các thị trường Châu Á và Châu Phi.

+ Nhập khẩu: Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, thuốc thú y ở các thị trường Châu Mỹ Latin, Châu Á và Châu Âu....

### I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### I.3.1. Mô hình quản trị:

Theo loại hình Công ty Cổ Phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc. Trong đó:

- **Đại Hội đồng Cổ Đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý, có thẩm quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Số thành viên của HĐQT gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm.

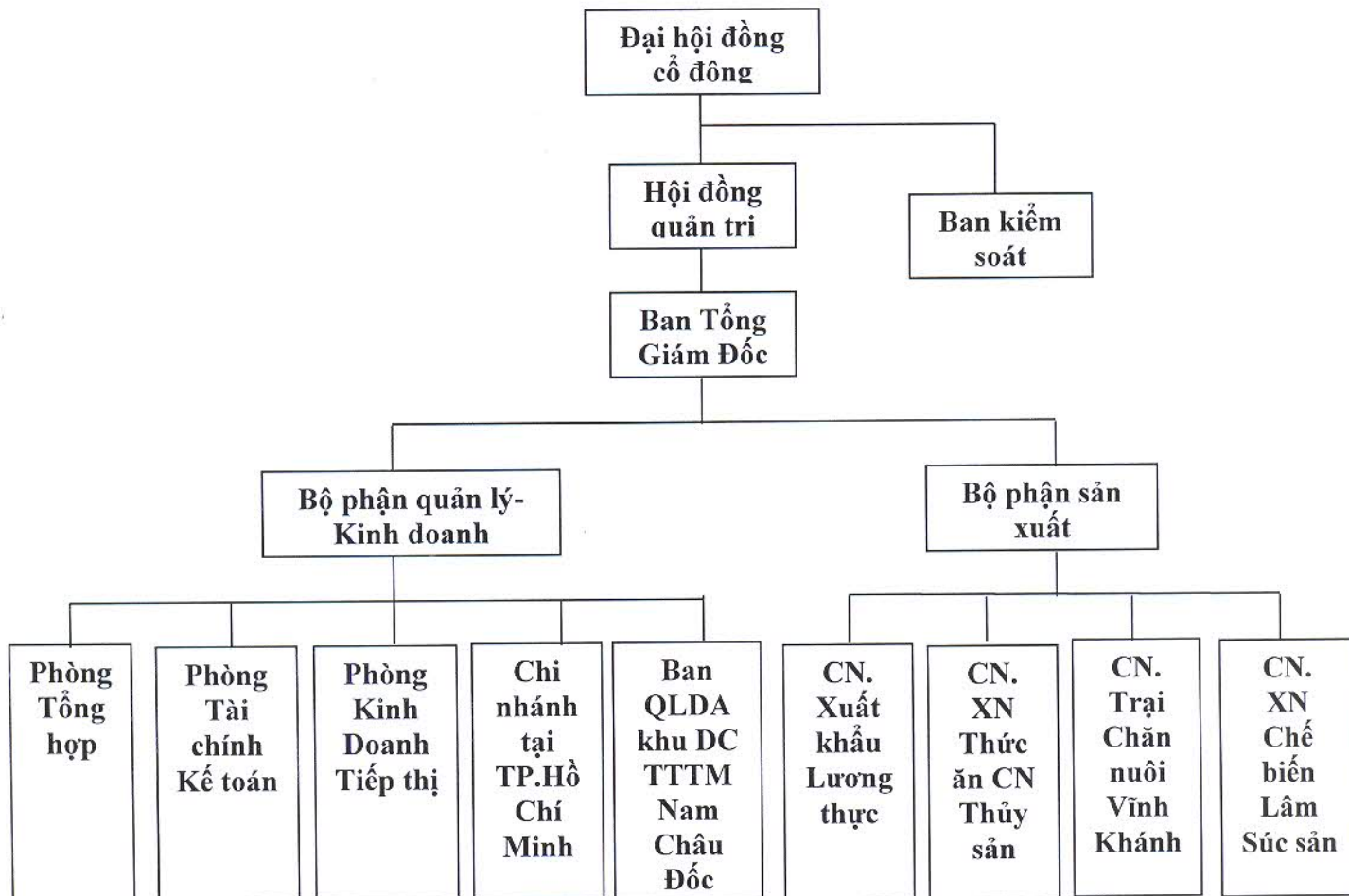
- **Ban Kiểm soát:** là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng Cổ Đông, do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Ban Kiểm Soát bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- **Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc:** là bộ máy quản lý chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Công ty, nhằm thực hiện các nghị quyết, các kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### I.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

019  
NG  
CP  
NHẬP  
KHẨU  
AN  
GIANG  
YÊN

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG



### - Các đơn vị trực thuộc Công ty:

#### **Trụ sở chính Công Ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

Địa chỉ: 2045 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3932 963–(84.296) 3932 985 - Fax: (84.296) 3 932 981

#### **CN CTy CP XNK NSTP An Giang tại Thành Phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Tầng 04, 186 Đường Đặng Văn Ngữ, Phường 14, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Điện thoại: (84.28) 38621 041 - Fax: (84.28) 38621 092.

#### **CN Cty CP XNK NSTP An Giang - Xuất Khẩu Lương Thực**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Công Hoan, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3834 295–(84.296) 3834 410 - Fax: (84.296) 3834 409.



**CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản**

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, P.Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3831 540 - Fax: (84.296) 3831 230.

**CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh**

Địa chỉ: Tỉnh Lộ 943, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3736 306 - Fax: (84.296) 3891 370.

**CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí Nghiệp Chế Biến Lâm Sản**

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Đông Thạnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3834 146 - Fax: (84.296) 3834 146.

**Ban Quản Lý Dự Án Khu Dân Cư Trung Tâm TM Nam Châu Đốc**

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3575 115 - Fax: (84.296) 3575 790.

**I.3.3. Công ty liên doanh, liên kết:**

Danh sách tên các CTy liên doanh	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Tr.đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Afiex
CTy TNHH TM Sài Gòn - An Giang	Số 12 Nguyễn Huệ - Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh siêu thị	46.000	15%
CTy TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Kinh doanh siêu thị	75.000	25%

(Xin xem thêm thuyết minh ở phần II, khoản 3 “Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án”, mục 3.2 “Công ty liên doanh, liên kết”).

**I.4. Định hướng phát triển :**

- **Mục tiêu chủ yếu:** Tái cơ cấu toàn diện hoạt động Công ty, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng trưởng ổn định, đa dạng hóa mặt hàng, sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắc khe của thị trường; tăng cường hoạt động

marketing, nghiên cứu mở rộng quy mô, phạm vi kinh doanh nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông.

- **Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn:** thực hiện theo Đề án Tái cơ cấu hoạt động của Công ty giai đoạn 2016 – 2020 đã được ĐHĐCĐ bất thường ngày 16/12/2016 biểu quyết thống nhất thông qua với mục tiêu khẩn trương cắt lỗ, kinh doanh có lãi, từ năm 2018 trở đi Công ty có thể chia được cổ tức cho cổ đông. Để đạt được mục tiêu trên, Công ty tiếp tục thực hiện các nhóm giải pháp tái cơ cấu: tái cơ cấu hoạt động, tái cơ cấu tài sản, tái cơ cấu tài chính, các giải pháp hỗ trợ khác.

- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:** chú trọng cải tiến đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, nguyên vật liệu và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

## **I.5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp:**

### **I.5.1. Rủi ro kinh tế:**

Ảnh hưởng thương mại toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, các chính sách tài chính, tín dụng ... tác động lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **I.5.2. Rủi ro tỷ giá, lãi suất:**

- Rủi ro tỷ giá: biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu hoạt động của Công ty, cả lĩnh vực xuất khẩu và nhập khẩu.

- Rủi ro lãi suất: biến động lãi suất ảnh hưởng đến lãi vay, tác động trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận.

### **I.5.3. Rủi ro về kinh doanh:**

- Rủi ro về thị trường tiêu thụ: biến động cung cầu, áp lực cạnh tranh về nguồn cung và giá bán đến từ các nước và doanh nghiệp cùng ngành, sự thay đổi chính sách nhập khẩu, các rào cản phi thuế quan gia tăng, nhất là yêu cầu ngày càng cao về các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu ... ảnh hưởng lớn đến thị trường tiêu thụ của Công ty.

- Rủi ro tài chính: trong điều kiện kinh tế khó khăn làm gia tăng nguy cơ các doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, xuất hiện những rủi ro phát sinh từ các khoản phải thu, các khoản ứng trước với khách hàng.



- Rủi ro về giá: biến động giá mua, giá bán đều ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh, đặc biệt là nguyên liệu nhập khẩu, giá tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi và giá lương thực xuất khẩu.

#### **I.5.4. Rủi ro khách quan khác:**

- Rủi ro về biến đổi khí hậu, tình trạng xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường, thoái hoá đất làm năng suất và chất lượng lúa gạo vùng ĐBSCL trong những năm tới bị giảm sút. Rủi ro về dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản ảnh hưởng đến giá cả sản phẩm chăn nuôi và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi.

- Rủi ro từ sự thay đổi hoặc không ổn định của Chính sách Nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

### **II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### **II.1.1. Những thuận lợi cơ bản:**

- Tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu (ĐATCC) đã được ĐHCĐ thông qua, tăng cường quản lý, điều hành để giữ ổn định hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, khai thác các thay đổi tích cực của thị trường để thúc đẩy tăng trưởng các ngành nghề có lợi thế, bù đắp suy giảm cho các lĩnh vực gặp khó khăn.

- Đạt được kết quả bước đầu trong triển khai thực hiện ĐATCC hoạt động Công ty, nhất là các giải pháp tái cơ cấu tài sản, sắp xếp lao động đã góp phần cải thiện khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

- Các yếu tố thuận lợi của thị trường cùng với nỗ lực chủ quan trong việc giám sát, kiểm soát nguyên vật liệu tồn kho, giá thành, giá bán và chính sách bán hàng trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã duy trì được hiệu quả.

- Hoạt động liên doanh Co.opMart Long Xuyên tiếp tục phát huy hiệu quả. Lợi nhuận được chia năm 2017 góp phần bổ sung lợi nhuận toàn Công ty.

- Giữ ổn định các lĩnh vực hoạt động khác, kiểm soát và thực hiện các giải pháp giảm lỗ đối với các hoạt động/đơn vị gặp khó khăn trong năm.

#### **II.1.2. Những khó khăn chủ yếu:**

- Ngành kinh doanh lương thực vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu do bất lợi của thị trường nhất là các thay đổi về sách trong kinh doanh lúa gạo của các nước nhập khẩu, từ đó đã làm sản lượng sản xuất và tiêu thụ mặt hàng này suy giảm mạnh. Doanh thu giảm, định phí cao nên phát sinh lỗ.



- Do bất lợi của tình hình chăn nuôi, chủ yếu ở các yếu tố như giá bán của đa số sản phẩm chăn nuôi (trừ cá tra) giảm kéo dài, nguồn cung tăng nhiều do một số nhà máy mới có công nghệ hiện đại với công suất lớn đi vào hoạt động nên cạnh tranh gay gắt trong việc giành giật thị phần tiêu thụ, hệ thống máy móc thiết bị của Công ty đã dần xuống cấp và do giá hầu hết các nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất từ nhập khẩu tăng đột biến bất ngờ không lường trước, dẫn đến giá thành tăng cao nhưng giá bán sản phẩm thức ăn do cạnh tranh nên không thể điều chỉnh tăng tương ứng so với mặt bằng chung làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Hoạt động dịch vụ giao nhận đang gặp nhiều khó khăn do các yếu tố: phụ thuộc vào một đối tác khách hàng, làm gia tăng các đối thủ cạnh tranh, xu hướng tăng mua nội địa thay cho nhập khẩu, các doanh nghiệp đều có bộ phận Logistic riêng... Với việc đối tác thực hiện cơ chế đấu giá cạnh tranh, hoạt động này ngày càng khó khăn hơn.

- Ngoài khó khăn về kinh doanh, Công ty phải thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh hàng năm trên 5,6 tỷ đồng, tạo thêm áp lực về tình hình tài chính.

**\* Tình hình thực hiện so kế hoạch năm 2018:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018 (điều chỉnh theo NQ số: 80/2018/NQ.ĐHĐCĐ ngày 02/10/2018)	So sánh TH/KH
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	<b>495.635</b>		
+ Tài sản ngắn hạn	331.672		
+ Tài sản dài hạn	163.963		
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>876.871</b>	<b>1.000.000</b>	<b>88%</b>
<b>Tổng chi phí</b>	<b>869.658</b>	<b>993.000</b>	<b>88%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>7.212</b>	<b>7.000</b>	<b>103%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>6.021</b>	<b>5.993</b>	<b>100,47%</b>
<b>Lãi cơ bản/CP (đồng)</b>	<b>172,04</b>	<b>171,23</b>	<b>100,47%</b>

Doanh thu thực hiện năm 2018 chỉ đạt 88% so với kế hoạch năm, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tình hình thị trường của hai ngành kinh doanh chính của Công ty là lương thực và thức ăn chăn nuôi chịu sự tác động cạnh tranh gay gắt, ngoài ra cùng với khó khăn của hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu tất cả đã làm doanh thu Công ty bị sụt giảm 12%. Mặc dù doanh thu, sản lượng



sự giảm nhưng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công vẫn đảm bảo đạt so với kế hoạch điều chỉnh trong năm.

## II.2. Tổ chức và nhân sự:

### II.2.1. Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2018:

S T T	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết	Tổng số cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thanh Xuân (*)	Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT	10,23%	3.582.200
2	Phạm Ngọa Long (*)	Phó Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT	10,23%	3.578.900
3	Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT	0,06%	21.800
5	Trần Kim Uyên	Kế Toán Trưởng Công Ty	0,11%	40.200

(\*) Xin xem thêm thuyết minh phần V “Quản trị Công ty”, mục 1: Hội đồng quản trị

#### - Tóm tắt lý lịch cá nhân:

**Họ và tên:** : NGUYỄN THANH XUÂN  
**Giới tính:** : Nam  
**Ngày, tháng, năm sinh:** : 24/02/1967  
**Nơi sinh** : Mỹ Hiệp, Chợ Mới, An Giang  
**CMND** : 350724248 ngày cấp 06/09/2004, nơi cấp: Công  
An An Giang  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Địa chỉ thường trú** : 1852 Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, An Giang  
**Số điện thoại liên lạc:** : 0913877037  
**Trình độ chuyên môn:** : Cử nhân Kinh Tế - Tài Chính kế toán  
**Quá trình công tác:** : - Tháng 12/1987 - 12/1989: Công tác tại Cty Xây  
Dựng Huyện Chợ Mới - An Giang  
- Tháng 1/1990 - năm 1997: Công tác tại Cty  
XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

W: 167  
CC  
QUÁT  
NÔNG S  
AN  
WG XU

- Từ năm 1997 - tháng 02/2010: Giám đốc Xí Nghiệp Xuất Khẩu Lương Thực (trực thuộc Công ty AFIEX)

- Từ Tháng 03/2010 đến tháng 3/2011: Phó Tổng Giám Đốc CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

- Từ tháng 4/2011 đến tháng 6/2016: Phó Tổng Giám Đốc CTy CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty Afíex : - Thành viên Hội đồng quản trị  
- Tổng Giám đốc Công ty

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 3.582.200

+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 82.200

**Họ và tên:** : **PHẠM NGỌA LONG**

Giới tính: : Nam

Ngày tháng năm sinh: : 28/04/1963

Nơi sinh : Châu Phú B, TX. Châu Đốc, An Giang

CMND : 350049624 ngày cấp 08/11/2005, nơi cấp: Công An An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 34A, Bùi Văn Danh, Phường Đông Xuyên, Tp. Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc: : 0913971998

Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác: : - Tháng 04/1986 - 12/1989: Kế toán tổng hợp XN Đông Lạnh Thủy sản, trực thuộc CTy XNK Thủy



Sản Tỉnh An Giang

- Tháng 01/1990 - 12/1995: Phó phòng kế toán  
CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang  
- Tháng 01/1996 - tháng 3/2011: Kế toán trưởng  
CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang  
- Từ tháng 4/2011 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc  
CTy CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Các chức vụ công tác : - Thành viên Hội đồng quản trị  
hiện nay tại Cty Aflix : - Phó Tổng Giám đốc Công ty

Các chức vụ hiện đang : Không  
nắm giữ tại tổ chức khác

Số CP nắm giữ (tại thời : 3.578.900  
điểm hiện nay)

+ Trong đó:Cá nhân sở : 78.900  
hữu

**Họ và tên** : **Trần Xuân Phúc**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 07/04/1966

Nơi sinh : Thừa Thiên - Huế

CMND : 350797532 Cấp ngày 15/3/2012 tại CA An  
Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 494C/25 Quán Cơ Thành, Bình Khánh,  
TP.LX, An Giang

Số điện thoại liên lạc: : 0913971073

Trình độ chuyên môn: : Đại Học chính quy ngành Trồng Trọt

Quá trình công tác: : - Tháng 11/1987 - tháng 10/1989 : Cán bộ Kỹ  
thuật-Cty Dịch vụ KTNN Thị xã Long  
Xuyên- An Giang.

: - Tháng 03/1991 - tháng 06/1993 : Nhân viên  
Cung ứng Cửa hàng bách hóa Tổng hợp -  
CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang.

: - Tháng 07/1993 - tháng 12/1995 : Tổ trưởng  
Tổ Cung ứng Phân xưởng CB Lương thực -

- CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang.
- : - Tháng 01/1996 - tháng 02/1998 : Phó Quản đốc Phân xưởng CB Lương thực-CTy XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
  - : - Tháng 03/1998 - tháng 08/2000 : Phó Giám đốc Xí nghiệp XK Lương thực - CTy XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
  - Tháng 09/2000 - tháng 3/2011: Phó Giám đốc Chi Nhánh XK Lương thực - CTy XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
  - Tháng 4/2011 - tháng 06/2016 : Phó Giám đốc Chi Nhánh XK Lương thực - CTy CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
  - Tháng 07/2016 đến nay : Phó Tổng Giám đốc CTy CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty Aflix : Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 21.800
- + Trong đó: Cá nhân sở hữu : 21.800

- Họ và tên:** : **TRẦN KIM UYÊN**
- Giới tính: : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: : 01/04/1966
- Nơi sinh : Châu Phú - Châu Đốc – An Giang
- CMND : 350648588 ngày cấp 24 tháng 10 năm 2009, nơi cấp An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 63 Chi Lăng, Khóm 5, Phường Châu Phú A,



Thị Xã Châu Đốc, An Giang

- Số điện thoại liên lạc : 0903851532
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác : - Tháng 01/1986 - 12/1989: Công tác tại Cty Thủy sản An Giang  
- Tháng 01/1990 - 08/1990: Công tác Ban thanh lý Công nợ Công ty Thủy sản An Giang  
- Tháng 09/1990 - 12/1995: Công tác tại Công ty XNK Nông Thủy sản An Giang  
- Tháng 01/1996 - 03/2011 Công tác tại Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang  
- Tháng 04/2011 đến nay Công tác tại Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
- Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty Afiox : Kế toán trưởng Công Ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 40.200
- + Trong đó: Cá nhân sở hữu : 40.200

## II.2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

## II.2.3. Số lượng cán bộ, công nhân viên và các chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, công nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng số lao động cuối kỳ	247	259	95,37%
+ Tăng trong kỳ	12	11	109,09%
+ Giảm trong kỳ	24	183	13,11%

- Trình độ chuyên môn của cán bộ, công nhân viên:

Trình độ chuyên môn	Năm 2018		Năm 2017	
	Số lao động	% lao động chuyên môn / tổng lao động	Số lao động	% lao động chuyên môn / tổng lao động
+ Cao học	2	0,81%	3	1,16%
+ Đại học, cao đẳng	88	35,63%	98	37,84%
+ Trung cấp	56	22,67%	56	21,62%

- Chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo qui định hiện hành.

### II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### II.3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2018, Công ty không phát sinh những dự án đầu tư mới, chỉ thực hiện mua sắm, lắp đặt các trang thiết bị, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ SXKD. Trong đó, tổng giá trị tài sản tăng trong năm: 432 triệu đồng và tổng chi phí sửa chữa là 1.761 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Văn phòng Công ty: thực hiện sửa chữa trụ sở làm việc và lát gạch vỉa hè với tổng chi phí 765 triệu đồng.

- CN XN Thức ăn chăn nuôi thủy sản: Hoàn thành cải tạo lò hơi số 1 để đốt trấu rời với tổng kinh phí 342 triệu đồng, sửa chữa mái tole, nhà kho nguyên liệu vùng nuôi Phú Tân, trạm biến áp 127 triệu đồng, đầu tư 01 Hệ thống hút thổi và cân trấu rời nhằm kiểm soát lượng trấu nhập với giá trị tài sản tăng trong kỳ là 210 triệu đồng.

- CN Xuất Khẩu Lương Thực: đã mua bổ sung Hệ thống cân tự động TC40 đặt tại kho Bình Hòa và thay đầu cân xuất gạo kho Mỹ Thới với giá trị 41 triệu đồng.

- CN XN Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh: hoàn tất các hạng mục công trình sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường cống, hệ thống bơm nước hầm cá; thay tole mái chuồng heo với tổng chi phí 152 triệu đồng; thực hiện gia cố mặt đê hầm cá tổ thủy sản với chi phí 103 triệu đồng. Thay bạt chuồng heo A nuôi con, B và C cải sửa với chi phí 39 triệu đồng.

- CN XN Chế Biến Lâm Súc Sản: hoàn thiện việc nâng cấp, cải tạo Lò hạ mổ Cái Dung với tổng giá trị 190 triệu đồng; hạng mục sửa chữa cải tạo phân xưởng giết mổ gia cầm với giá trị 204 triệu đồng, mái kết vách tole phân xưởng giết mổ bò với giá trị 20 triệu đồng.



### II.3.2. Công ty liên doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các CTy liên doanh	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tình hình tài chính năm 2018				
			Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần HĐKD	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
CTy TNHH TM Sài Gòn - An Giang	28/10/2003	Kinh doanh siêu thị tự chọn	151.080	80.694	382.306	16.892	13.699
CTy TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	13/05/2015	Kinh doanh bất động sản	100.683	82.487	12.285	8.041	6.438

Ghi chú: Nguồn cung cấp số liệu của CTy TNHH TM Sài Gòn An Giang là báo cáo tài chính trước kiểm toán, CTy TNHH Sài Gòn Châu Đốc là báo cáo tài chính sau kiểm toán.

### II.4. Tình hình tài chính:

#### II.4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	495.635	403.651	22,79
Doanh thu thuần	870.262	897.256	(3,01)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.106	4.776	27,84
Lợi nhuận khác	1.106	19.639	(94,37)
Lợi nhuận trước thuế	7.212	24.415	(70,46)
Lợi nhuận sau thuế	6.021	23.088	(73,92)
Lãi cơ bản/CP (Đồng)	172	631	(72,73)

#### II.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	2,53	7,03
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,49	3,16
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	26,56	8,03
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	36,16	8,73

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	Vòng	3,61	3,6
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1,76	2,22
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,69	2,57
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	1,65	6,22
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,21	5,72
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	0,70	0,53

## II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu:

### II.5.1. Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phần: 35.000.000 Cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
  - + Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 35.000.000 cổ phiếu.
  - + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

### II.5.2. Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông đến 12/09/2018	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>I.</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>		<b>35.000.000</b>	<b>100,00%</b>
<b>1</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>6</b>	<b>28.490.300</b>	<b>81,41%</b>
	- Tổng Công Ty CP Kinh doanh Đầu Tư Vốn Nhà Nước (SCIC)		17.850.000	51,00%
	- Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam – Công ty cổ phần		7.181.650	20,52%
	- CTy TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang		3.018.750	8,63%
	- CTy Cổ Phần Gentraco		219.900	0,63%
	- CTy TNHH XNK Đồng Lợi		200.000	0,57%
	- Công đoàn Công ty		20.000	0,06%
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>699</b>	<b>6.509.700</b>	<b>18,59%</b>
<b>II.</b>	<b>Cổ đông ngoài nước</b>		-	-
<b>1</b>	<b>Tổ chức</b>		-	-
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>		-	-



**II.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không.

**II.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.

**II.5.5. Các chứng khoán khác:** Không.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

#### **III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

##### **III.1.1. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh:**

Do ảnh hưởng thị trường, kết quả kinh doanh chưa đạt được như kỳ vọng, một số chỉ tiêu như doanh thu, kim ngạch xuất nhập khẩu, lợi nhuận hoạt động kinh doanh, sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu đạt thấp so kế hoạch và tăng trưởng giảm so cùng kỳ. Tuy nhiên, về tổng thể vẫn tiếp tục tạo được chuyển biến, lợi nhuận sau thuế đạt theo Nghị quyết ĐHCĐ, làm tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo.

- Vai trò phối hợp, hỗ trợ kịp thời của SCIC đã phát huy tác dụng tích cực. Sự nỗ lực, sâu sát của HĐQT, quyết tâm của BDH và tập thể người lao động trong Công ty đã giúp từng bước vượt qua khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Kịp thời có những giải pháp chỉ đạo, điều hành cụ thể để giữ ổn định thị trường tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, khai thác các thay đổi tích cực của thị trường để lựa chọn thời điểm bán ra lúa gạo tồn kho hợp lý, xuất bán cá tra nuôi ao với giá tốt, thúc đẩy tăng trưởng các ngành, nghề có lợi thế, cơ hội như chế biến lâm súc sản, bất động sản Nam Châu Đốc, bù đắp cho các lãnh vực gặp khó khăn. Đi đôi với hoạt động kinh doanh, tập trung cho đầu tư nâng cấp, cải tạo, mua sắm TSCĐ theo hướng ưu tiên cho đơn vị, lãnh vực ngành nghề có nhu cầu cấp thiết và tiềm năng phát triển.

- Duy trì và tham gia điều hành hoạt động các liên doanh Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang, Công ty TNHH Sài Gòn – Châu Đốc đạt hiệu quả.

- Đạt được kết quả bước đầu trong triển khai thực hiện DATCC hoạt động Công ty:

+ Sắp xếp lao động: lao động toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018 là 247 người (tăng: 12 người, giảm: 24 người so với thời điểm 31/12/2017). Đồng thời trong tháng 06 năm 2018, Ban điều hành Công ty đã mạnh dạn điều động, luân chuyển nhân sự lãnh đạo của 03 đơn vị trực thuộc. Cụ thể: Giám đốc XN chế biến Lâm súc sản luân chuyển về làm Giám đốc XN Thức ăn chăn nuôi thủy sản,





Giám đốc XN Thức ăn chăn nuôi thủy sản về làm Trưởng Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh và Trưởng Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh về làm Giám đốc XN chế biến Lâm súc sản. Việc luân chuyển này có tác dụng tốt cải thiện hiệu quả kinh doanh của 3 Chi nhánh trực thuộc.

+ Tái cơ cấu tài sản: Thực hiện kế hoạch thoái vốn năm 2018 theo Quyết định số 93/QĐ/ĐTKDV ngày 09/04/2018 của SCIC, Công ty hiện tạm dừng các hoạt động thanh lý tài sản để chờ các chỉ đạo tiếp theo.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, còn tồn tại những khó khăn, hạn chế cả khách quan và chủ quan làm ảnh hưởng đến hiệu quả cả năm như:

- Kinh doanh lương thực vẫn tiếp tục khó khăn, phát sinh lỗ. Các yếu tố thuận lợi lẫn khó khăn đan xen lẫn nhau làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả chung của Công ty. Trong đó tác động lớn nhất là những biến động đột ngột và tăng giảm thất thường của thị trường cộng với các thay đổi về thể chế, chính sách trong kinh doanh lúa gạo của các nước nhập khẩu như Trung Quốc, Philippine, Indonesia... Cùng với sự cạnh tranh của các quốc gia xuất khẩu gạo như Thái Lan, Ấn Độ, Pakistan đã giành mất hầu hết thị trường Châu Phi và phần lớn các hợp đồng xuất khẩu vào các thị trường truyền thống như Bangladesh, Trung Quốc, Indonesia, Philippine. Tuy kết quả lỗ nhưng kinh doanh lương thực về cơ bản vẫn bù đắp được một phần định phí của các tài sản, thiết bị, kho tàng không hoặc ít hoạt động, chi phí lãi vay, chi phí quản lý.

- Lãnh vực thức ăn chăn nuôi gặp khó khăn lớn trong 6 tháng đầu năm 2018, nguyên nhân chủ yếu do giá bán của đa số sản phẩm chăn nuôi (trừ cá tra) giảm kéo dài, người nuôi thu hẹp sản xuất hoặc giảm đàn, giảm sử dụng TĂCN, trong khi nguồn cung tăng nhiều do một số nhà máy mới đi vào hoạt động nên cạnh tranh gay gắt; giá các nguyên liệu đầu vào tăng cao đột biến dẫn đến giá thành tăng nhưng giá bán sản phẩm thức ăn lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng so mặt bằng chung nên sản lượng tiêu thụ giảm, bên cạnh đó hệ thống máy móc đã cũ cũng ảnh hưởng tăng chi phí sản xuất trong kỳ. Ban Điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo và có nhiều biện pháp quyết liệt trong công tác sắp xếp lại tổ chức, kiểm soát quy trình sản xuất, ổn định chất lượng thức ăn, tìm kiếm nguồn nguyên liệu giá tốt, tiết giảm chi phí chần chỉnh lại công tác bán hàng, tiên phong trong việc điều chỉnh giá hàng bán, đồng bộ với việc tiếp thị, thăm hỏi, chăm sóc khách hàng tốt hơn nữa và tăng cường các chính sách hỗ trợ nên kết quả cuối năm đã đạt hiệu quả về sản lượng tiêu thụ và có lợi nhuận. Sản lượng tiêu thụ năm 2018 đạt 98,71% so cùng kỳ và 106,8% so với kế hoạch.



- Với biến động bất lợi của thị trường và chính sách nhập khẩu của đối tác, hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu trên đà suy giảm mạnh và chưa tiên lượng được thời điểm hồi phục. Việc tìm kiếm các giải pháp thay thế đang trong giai đoạn thăm dò, thử nghiệm.

- Công tác quản trị, điều hành cũng còn hạn chế, tuy đã có gắng, quyết tâm nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động SX-KD đạt được còn thấp so kỳ vọng của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ công. Mục tiêu, định hướng chiến lược về phát triển ngành hàng, sản phẩm mới chưa đáp ứng, công tác dự báo, đánh giá thị trường một số thời điểm chưa tốt, một số phòng, ban chưa thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ và phát huy hiệu quả như mong muốn.

**Bảng chỉ tiêu so sánh kết quả thực hiện so với kế hoạch trong năm 2018**

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018 (điều chỉnh theo NQ số: 80/2018/NQ.ĐHĐCĐ ngày 02/10/2018)	% TH/KH
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>876.871</b>	<b>1.000.000</b>	<b>87,69</b>
<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>869.658</b>	<b>993.000</b>	<b>87,58</b>
Trong đó:				
+ Chi phí trước khi phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	864.001	987.343	87,51
+ Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	5.657	5.657	100,00
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>7.212</b>	<b>7.000</b>	<b>103,03</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>6.021</b>	<b>5.993</b>	<b>100,47</b>
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>Tr. USD</b>	<b>4,33</b>	<b>4,21</b>	<b>102,82</b>
- Gạo	Tr.USD	4,33	4,21	102,82
<b>Sản lượng xuất khẩu</b>				
- Gạo	Tấn	10.311,75	10.000,00	103,12
<b>Sản lượng tiêu thụ TÁC N TS</b>	<b>Tấn</b>	<b>46.062,53</b>	<b>43.131,10</b>	<b>106,80</b>
Trong đó: tiêu thụ nội bộ	Tấn	2.720,77	2.463,90	110,43

Năm 2018, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, doanh thu chỉ đạt 87,69% so với kế hoạch. Mặc dù doanh thu sụt giảm, nhưng với việc tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu hoạt động Công ty như: sắp xếp lại các mảng SXKD và lao động,... đã góp phần giúp lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể, so với kế hoạch thì lợi nhuận thực hiện trước thuế đạt 103,03% và lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 100,47%.

0194  
NG 1  
CP  
NHẬP  
AN THỰC  
GIANG  
YÊN - T



### **III.1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

Tình hình kinh doanh năm 2018, thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2018 và Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh số 80/2018/NQ.ĐHCĐ ngày 02/10/2018, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc đã có nhiều nỗ lực cụ thể trong hoạt động quản trị, điều hành Công ty nên đã đạt được một số tiến bộ như sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT về phương án, giải pháp tái cơ cấu và kế hoạch SX-KD năm 2018 trong toàn Công ty. Cải tiến công tác quản trị, điều hành, thông tin kịp thời về tình hình và kết quả kinh doanh, đề xuất các giải pháp xử lý khó khăn để HĐQT quyết định.

- Kịp thời có những giải pháp chỉ đạo, điều hành cụ thể để giữ ổn định thị trường tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, cố gắng khai thác các thay đổi tích cực của thị trường để lựa chọn thời điểm tồn kho nguyên liệu đầu vào, xuất bán cá tra nuôi ao với giá tốt, thúc đẩy tăng trưởng các ngành, nghề, sản phẩm, dịch vụ Công ty có lợi thế, cơ hội như dịch vụ giết mổ, kinh doanh bất động sản Nam Châu Đốc. Đi đôi với hoạt động kinh doanh, tập trung cho đầu tư nâng cấp, cải tạo, mua sắm TSCĐ theo hướng ưu tiên cho đơn vị, lãnh vực ngành nghề có nhu cầu cấp thiết và tiềm năng phát triển.

- Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu đạt được thành công bước đầu, nhất là các giải pháp tái cơ cấu về lĩnh vực kinh doanh, tài sản, tài chính và lao động.

- Do thị trường khó khăn, tuy chỉ tiêu doanh thu chưa đạt so kế hoạch nhưng bằng các giải pháp tiết kiệm chi phí tổng thể đã giúp lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty vượt so với kế hoạch điều chỉnh đã được Đại hội Đồng cổ đông thông qua và góp phần cải thiện tình hình việc làm và thu nhập cho người lao động.

### **III.2. Tình hình tài chính:**

#### **III.2.1. Tình hình tài sản:**

Tổng tài sản của công ty cuối năm 2018 là 496 tỷ đồng, tăng 23% so với đầu năm (mức tăng 92 tỷ đồng).

- Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 47% (mức tăng 107 tỷ đồng), chủ yếu là tăng mạnh ở chỉ tiêu hàng tồn kho 116% (mức tăng 144 tỷ đồng), công nợ tăng 123% (mức tăng 31 tỷ đồng), dòng tiền từ hoạt động thanh lý trong thời điểm cuối năm đã được luân chuyển vào SXKD đã làm chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền giảm 92% (mức giảm 68 tỷ đồng).



- Chỉ tiêu tài sản dài hạn cũng giảm 8% so với đầu năm (mức giảm 15 tỷ đồng). Các khoản giảm, chủ yếu là do trích khấu hao và phân bổ đầy đủ chi phí lợi thế kinh doanh 5,6 tỷ đồng vào chi phí quản lý trong năm 2018.

### **III.2.2. Tình hình nợ phải trả:**

- Nợ phải trả tăng 306% (mức tăng 99 tỷ đồng), trong đó chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng nhiều nhất 768% (mức tăng 93 tỷ đồng), khoản phải trả người bán cũng tăng 311% (mức tăng 6 tỷ đồng).

### **III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

#### **III.3.1. Cải tiến về cơ cấu tổ chức:**

Tiếp tục sắp xếp bộ máy nhân sự dựa trên sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp, luân chuyển nhân sự lãnh đạo nhằm tạo bước chuyển biến đổi mới hoạt động kinh doanh của 3 đơn vị có mối quan hệ kinh doanh phụ thuộc nhau. Thực hiện chính sách trả lương, thưởng minh bạch gắn với kết quả kinh doanh và hiệu quả công việc, năng lực chuyên môn của từng cá nhân và đơn vị trực thuộc tạo được động lực cho sự cống hiến và tăng trưởng các mặt hoạt động của Công ty.

#### **III.3.2. Cải tiến về chính sách, quản lý:**

- Đổi mới và bổ sung nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề cho người lao động.

- Quan tâm hoàn thiện thể chế và năng lực quản trị nội bộ thông qua việc tăng cường hoạt động kiểm soát và quản lý chặt chẽ định mức vật tư, nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí khác để tiết giảm chi phí, quản lý giá thành cạnh tranh để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Cụ thể: đã hoàn thiện và trình HĐQT thông qua Quy chế công bố thông tin, Quyết định ban hành Quy trình mua sắm và thanh lý tài sản cố định, Định mức kinh tế kỹ thuật và Định mức nhiên liệu xe ô tô và mô tô. Tiếp tục xem xét, chỉnh sửa, thống nhất để hoàn thiện thể chế quản trị thông qua việc ban hành các quy chế khác như: Quy chế trả lương thưởng (đã ban hành tháng 01/2019) Quy chế quản lý nhân sự lao động, Quy chế đào tạo phát triển nguồn nhân lực, Quy chế thi đua khen thưởng kỷ luật, Quy chế hoạt động của Trưởng ban kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro. Công ty tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ theo mô hình tiên tiến và hội nhập.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế đối với chế biến, sản xuất lương thực và thức ăn chăn nuôi. Nghiên cứu áp dụng bộ tiêu chí “Hàng Việt Nam chất lượng cao – Chuẩn hội nhập” cho ngành Gạo, đáp ứng yêu





cầu của thị trường và người tiêu dùng (Công ty đạt danh hiệu Hàng VNCLC năm 2018 của ngành hàng này).

### III.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Dự báo tình hình hoạt động SXKD năm 2019 vẫn tiếp tục khó khăn, ngoài những biến động bất lợi về thị trường còn phát sinh thêm yếu tố rủi ro về thời tiết, dịch bệnh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Căn cứ Đề án tái cơ cấu hoạt động Công ty giai đoạn 2016-2020, kết hợp với dự báo diễn biến thị trường, kết quả thực hiện năm 2018 và khả năng, điều kiện thực tế, Ban điều hành Công ty dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 có mức tăng trưởng phù hợp, bao gồm nội dung và một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

#### III.4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

##### a. Doanh thu kế hoạch năm 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	
			Số lượng	Thành tiền
<b>A</b>	<b>HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			<b>995.322</b>
<b>I</b>	<b>KHẨU XUẤT KHẨU</b>			<b>128.336</b>
1	Gạo	Tấn	15.000	128.336
<b>II</b>	<b>KHẨU NHẬP KHẨU</b>			<b>48.440</b>
1	Bã đậu nành	Tấn	3.000	31.500
2	Nguyên liệu TĂGS khác	Tấn	2.000	16.940
<b>III</b>	<b>KHẨU NỘI ĐỊA</b>			<b>818.546</b>
1	Thức ăn gia súc	Tấn	42.250	442.660
2	Gạo, tấm, phụ phẩm	Tấn	37.500	284.621
3	Bán lẻ, dịch vụ, tổng hợp khác	x		42.721
4	Sản phẩm chăn nuôi	x		19.944
5	Sản phẩm thủy sản	x		28.600
<b>B</b>	<b>HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			<b>2.740</b>
<b>C</b>	<b>HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>			<b>1.938</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.000.000</b>

##### b. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019:

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	
			Số lượng	Kim ngạch (USD)
<b>1</b>	<b>Kim ngạch xuất khẩu:</b>			<b>5.415.000</b>
	- Gạo	Tấn	15.000	5.415.000
<b>2</b>	<b>Kim ngạch nhập khẩu:</b>			<b>11.159.200</b>



STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	
			Số lượng	Kim ngạch (USD)
	- Bã đậu nành và Nguyên liệu TAGS khác	Tấn	30.000	11.159.200

**c. Những chỉ tiêu tổng hợp sản xuất kinh doanh:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
<b>I</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>350.000</b>
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>1.000.000</b>
A	Hoạt động kinh doanh	995.322
B	Hoạt động tài chính	2.740
C	Hoạt động khác	1.938
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí SXKD</b>	<b>992.000</b>
A	Hoạt động kinh doanh	981.270
	- Giá vốn hàng bán	942.647
	- Chi phí bán hàng	24.888
	- Chi phí quản lý DN	13.735
	Trong đó: Phân bổ Giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí quản lý	5.657
B	Hoạt động tài chính	9.730
	Trong đó: Chi phí lãi vay	7.035
C	Hoạt động khác	1.000
<b>IV</b>	<b>Tổng lợi tức trước thuế</b>	<b>8.000</b>
A	Hoạt động kinh doanh (IIA - IIIA)	14.052
B	Hoạt động tài chính (IIB - IIIB)	(6.990)
	- Lãi liên doanh góp vốn CTy TNHH TM Sài Gòn - An Giang	1.640
	- Lãi liên doanh góp vốn CTy TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	1.100
C	Hoạt động khác (IIC - IIIC)	938
<b>VII</b>	<b>Thuế thu nhập DN</b>	<b>114</b>
<b>VIII</b>	<b>Tổng lợi tức sau thuế</b>	<b>7.886</b>
<b>IX</b>	<b>Chỉ tiêu tính toán hiệu quả SXKD</b>	
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT thuần (%)	0,80
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DT thuần (%)	0,79
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ (%)	2,29
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	2,25
5	Chia cổ tức dự kiến (% / Vốn điều lệ)	2,00



**d. Kế hoạch quỹ lương và thu nhập của người lao động:**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động trong doanh nghiệp, trong đó:</b>	người	<b>258</b>
1	Người quản lý	người	5
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	người	84
3	Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh	người	159
4	Lao động thừa hành, phục vụ	người	10
<b>II</b>	<b>Tổng quỹ tiền lương</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>21.378</b>
	Số người bình quân	người	258
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	6.900.000
	<b>Trong đó:</b>		
<b>1</b>	<b>Quỹ lương người lao động</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>19.856</b>
	Số người bình quân	người	253
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	6.540.000
<b>2</b>	<b>Quỹ lương người quản lý (=a+b)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.522</b>
	Số người bình quân	người	5,0
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	25.360.000
<b>a</b>	<b>Quỹ lương Ban Điều hành</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.336</b>
	Số người bình quân	người	4,0
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	27.840.000
<b>b</b>	<b>Quỹ lương Trưởng Ban KS</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>186</b>
	Số người bình quân	người	1
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	15.480.000

**f. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:**

- Dự kiến tổng vốn đầu tư: 11.071 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư:
  - Vốn Công ty: 11.071 triệu đồng
- Chi tiết Danh mục và Đơn vị được đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư/ Đơn vị quản lý	Giá trị đầu tư	Ghi chú (Quy mô, công suất thiết kế)
<b>I.</b>	<b>BQLDA TTTM NAM CHÂU ĐỐC</b>	<b>170</b>	<b>Giá trị chưa thuế VAT</b>
1	Xử lý hành lang đường dây trung thế tuyến 478 CD đi qua Khu TTTM Nam Châu Đốc.	170	Thay 04 trụ BTLT 12m = 14m, trồng mới 01 trụ 14m, lắp các bộ xà lệch và kéo lại dây 3AC 95 + AC 70mm <sup>2</sup> , dài 179m
<b>II.</b>	<b>CN XN THỨC ĂN CHĂN NUÔI - THỦY SẢN</b>	<b>6.937</b>	<b>Giá trị Có thuế VAT</b>



STT	Danh mục đầu tư/ Đơn vị quản lý	Giá trị đầu tư	Ghi chú (Quy mô, công suất thiết kế)
	(*)		
1	Nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất thức ăn Chiatung 1	4.316	
2	Cải tạo lò hơi số 02	1.200	Công suất sinh hơi 5.000kg/giờ
3	Mua xe nâng hàng	300	01 xe 2,5 tấn
4	Cân ô tô điện tử	220	3mx12m, 80 tấn
5	Sửa chữa, dặm vá đường nhựa nội bộ	200	500 md
6	Thay tole kho A	310	DT 2.576 m <sup>2</sup>
7	Hệ thống xử lý bụi lò hơi số 1	391	5 tấn/h
<b>III</b>	<b>CN XN CHẾ BIẾN LÂM SỨC SẢN</b>	<b>3.392</b>	<b>Giá trị chưa thuế VAT</b>
1	HT xử lý nước thải, cơ sở giết mổ gia cầm tập trung, nước thải sau xử lý đạt : QCVN 40:2011/BTNMT- Cột A .	2.960	Công suất 100m <sup>3</sup> /ngày đêm
2	Đường cống thoát nước ra sông Hậu	132	Đường kính 0,6m, 40 md
3	XD mặt bằng khu đậu xe tải và sửa chữa đường trục chính	300	Mặt bằng khu đậu xe tải: 120m <sup>2</sup> ; Sửa chữa trục đường chính: 720m <sup>2</sup>
<b>IV</b>	<b>CN TRẠI CHĂN NUÔI VĨNH KHÁNH (*)</b>	<b>572</b>	<b>Giá trị có thuế VAT</b>
1	Sửa chữa nâng cấp thay mới dãy C heo nái nuôi con	308	56 ô lồng
2	Sửa chữa nâng cấp thay mới dãy B heo nái khô chữa	264	240 ô lồng
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>11.071</b>	

(\*) Do thức ăn chăn nuôi và sản phẩm chăn nuôi (heo, cá..) bán ra không chịu thuế GTGT, nên thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

#### III.4.1.a. Những giải pháp thực hiện:

**Mục tiêu chung:** Châm dứt đà suy thoái về doanh thu và tăng trưởng trở lại, phấn đấu hầu hết các đơn vị và lãnh vực SX-KD đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ, tạo lợi nhuận tích lũy để chia cổ tức cho cổ đông.

#### **Giải pháp:**

Trên cơ sở định hướng kế hoạch năm 2019 được HĐQT cho ý kiến và ĐHCĐ thông qua, BDH tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

➤ Giữ ổn định và tăng cường hiệu quả hoạt động các lãnh vực, ngành nghề hiện có:

- Đối với kinh doanh lương thực: Theo dõi diễn biến thị trường để xác định phương án kinh doanh, lựa chọn thời điểm mua vào, bán ra phù hợp. Về



xuất khẩu, quan tâm và tiếp cận các thị trường Trung Quốc (chính ngạch), Philippines (khu vực tư nhân), Singapore, HongKong... Về nội địa, bên cạnh chọn lựa thời điểm, loại gạo mua vào, bán ra, tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ cung ứng với các đối tác nhằm cải thiện hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh, đồng thời tiếp tục rà soát các yếu tố chi phí để tăng cường quản lý giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi: Đánh giá toàn diện về hiện trạng sản xuất, công tác thị trường, hệ thống phân phối và chính sách bán hàng để có giải pháp xử lý phù hợp với thực tế. Trước mắt, do giá nguyên liệu đang tăng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, xem xét phương án mua tồn trữ và lựa chọn thời điểm thực hiện, tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh chính sách bán hàng, thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo, ưu tiên các danh mục đảm bảo duy trì sản lượng, chất lượng để giữ thị trường.

- Đối với lĩnh vực, ngành nghề khác: Tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định của hoạt động chế biến lâm súc sản, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ gắn với đề án truy xuất nguồn gốc thịt heo của tỉnh; khai thác lợi thế về quỹ đất của Trại Vĩnh Khánh để triển khai thêm hoạt động SX-KD khác bên cạnh việc nuôi heo, cá; đề xuất phương án xử lý khu mở rộng trong trường hợp chưa chuyển nhượng được dự án theo DATCC. Đặt biệt lưu ý đến hoạt động dịch vụ của Chi nhánh TP.HCM và thực hiện các giải pháp hỗ trợ để không phát sinh lỗ. Duy trì hiệu quả thu nhập tài chính từ các hoạt động liên doanh.

- Nghiên cứu, triển khai một số hoạt động kinh doanh khác để thúc đẩy tăng trưởng. Triển khai đồng bộ các giải pháp: kết hợp với các chuyên gia cải tiến công thức TĂ; triển khai nuôi trình diễn, thí điểm nhằm khôi phục lại thị trường tiêu thụ thức ăn cá lóc và phát triển thêm thức ăn cá điêu hồng; khai thác các lợi thế về giá cả tiêu thụ sản phẩm cá tra, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng trưởng tiêu thụ, để Xí nghiệp TĂCN-TS đạt hiệu quả cao năm 2019.

- Tăng cường công tác quản trị, điều hành, giao chỉ tiêu kế hoạch gắn với chính sách khen thưởng, thực hiện giao ban thường xuyên để kiểm tra, đánh giá và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong SX-KD. Giữ ổn định và lành mạnh hóa tình hình tài chính Công ty, tiếp tục xử lý thu hồi công nợ cũ, tránh phát sinh công nợ quá hạn mới. Thực hiện tốt công tác quản lý tài sản phục vụ chủ trương thoái vốn của SCIC.



➤ Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, phát huy chức năng nhiệm vụ của phòng Kinh doanh – Tiếp thị nhằm hỗ trợ các hoạt động SX-KD của Công ty và phù hợp với thực tiễn. Hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, trình thông qua các quy chế xây dựng mới và cập nhật sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định.

### III.5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty:

#### III.5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Các cơ sở hoạt động sản xuất của Công ty đều lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc chi tiết theo quy mô hoạt động, định kỳ giám sát, kiểm tra và báo cáo các ngành chức năng đúng quy định. Thường xuyên kiểm soát các chỉ tiêu tiêu thụ điện, nước, phát thải ... để kịp thời xử lý, khắc phục theo hướng tiết kiệm, an toàn, hiệu quả.

#### III.5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Thực hiện tốt các chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật. Căn cứ kết quả kinh doanh, cố gắng đảm bảo ổn định, nâng cao thu nhập và các chế độ phúc lợi cho người lao động.

#### III.5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tiếp tục thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương qua các hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa... do địa phương vận động.

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

#### IV.1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

##### IV.1.1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018 (điều chỉnh theo NQ số: 80/2018/NQ.ĐHĐC Đ ngày 02/10/2018)	Thực hiện năm 2017	(% ) So sánh thực hiện năm 2018 với	
					KH	Năm 2017
Tổng doanh thu thuần	Tr.đ	876.871	1.000.000	921.018	87,69	95,21

3001  
ÔNG  
C  
T NH  
SẢN  
N GI  
UVEN

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018 (điều chỉnh theo NQ số: 80/2018/NQ.ĐHĐC Đ ngày 02/10/2018)	Thực hiện năm 2017	(% ) So sánh thực hiện năm 2018 với	
					KH	Năm 2017
<i>Trong đó xuất khẩu</i>	Tr.đ	99.758	96.470	11.001	103,41	906,85
Tổng chi phí chưa phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	864.001	987.343	890.946	87,51	96,98
<b>Lợi nhuận trước thuế chưa phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>12.869</b>	<b>12.657</b>	<b>30.072</b>	<b>101,67</b>	<b>42,79</b>
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	5.657	5.657	5.657	100,00	100,00
<b>Lợi nhuận trước thuế đã phân bổ giá trị lợi thế KD</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>7.212</b>	<b>7.000</b>	<b>24.415</b>	<b>103,03</b>	<b>29,54</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế đã phân bổ giá trị lợi thế KD</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>6.021</b>	<b>5.993</b>	<b>23.088</b>	<b>100,47</b>	<b>26,08</b>

Tình hình thị trường năm 2018 diễn biến phức tạp, các khó khăn trong hoạt động xuất khẩu gạo, dịch vụ giao nhận xuất nhập khẩu và tăng trưởng chậm lại của lãnh vực thức ăn chăn nuôi, thể hiện rõ nét ở chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt 87,69% kế hoạch và đạt 95,21% so với cùng kỳ (mặc dù doanh thu xuất khẩu có tăng trưởng, đạt 103,41% kế hoạch và so với cùng kỳ đạt 906,85%). Với những giải pháp điều hành hợp lý, kịp thời tận dụng các cơ hội thuận lợi của thị trường, cùng nỗ lực, quyết tâm của tập thể người lao động trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo ĐATCC đã góp phần cải thiện tình hình kinh doanh và hoạt động tài chính, chi phí trong kỳ chưa phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đạt 87,51% so với kế hoạch và 96,98% so với cùng kỳ, đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty thực hiện đạt so với kế hoạch năm và so cùng kỳ.

#### IV.1.2. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm đối với công tác bảo vệ môi trường, đối với cộng đồng địa phương, trách nhiệm xã hội và các chính sách với người lao động.



## **IV.2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty:**

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát đối với Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động Công ty, kịp thời cho ý kiến chỉ đạo, xử lý nhằm khắc phục khó khăn, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh; đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc trong điều hành kinh doanh đạt nhiều tiến bộ, việc triển khai thực hiện ĐATCC đạt kết quả tích cực, nhất là công tác tổ chức đã mạnh dạn điều động, luân chuyển nhân sự lãnh đạo của 03 đơn vị trực thuộc. Kết quả kinh doanh tiếp tục có lãi làm cho tình hình tài chính của Công ty thêm lành mạnh. Công tác quản trị, điều hành có nhiều đổi mới, tuân thủ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát đối với các thành viên trong Ban điều hành Công ty, ghi nhận các nỗ lực đối với công tác quản trị, điều hành, đảm bảo tuân thủ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, đánh giá cao vai trò tham mưu, hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong thực hiện các nhiệm vụ theo ĐATCC và kế hoạch SX-KD theo nghị quyết ĐHĐCĐ đạt hiệu quả.

## **IV.3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị:**

Tiếp tục tái cấu trúc tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh theo ĐATCC giai đoạn 2016-2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Xúc tiến các giải pháp cụ thể để tăng trưởng trở lại về doanh thu và kim ngạch xuất nhập khẩu. Căn cứ diễn biến thị trường để quyết định sắp xếp lại các ngành nghề kinh doanh khác có lợi thế cạnh tranh và gia tăng hiệu quả.

### **Các mục tiêu định hướng:**

- Thực hiện các mục tiêu theo ĐATCC hoạt động Công ty giai đoạn 2016-2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Nỗ lực vượt qua khó khăn, giữ ổn định sản xuất kinh doanh và tăng trưởng trở lại, đánh giá đúng tình hình biến động thị trường để kịp thời định hướng và điều hành hoạt động của Công ty.

- Tăng cường công tác giám sát Ban điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị Công ty. Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ.

- Tập trung phát triển SX-KD đi đôi với nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo điều kiện nâng cao cổ tức đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

344  
G T  
P  
ÁP KI  
H C P  
AN C  
- T -



- Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế có tăng trưởng hợp lý so với năm 2018, phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng chung của nền kinh tế, diễn biến thị trường và đặc thù của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, phân đầu chi trả cổ tức cho cổ đông.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nội dung các giải pháp theo ĐATCC hoạt động Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, tăng cường giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### V.1. Hội đồng quản trị:

#### V.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

S T T	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các CTy khác
1	Quốc Hồ Đình Tuấn <sup>(1)</sup>	Chủ tịch	31,00%			
2	Nguyễn Thanh Xuân <sup>(2)</sup>	Thành viên	10,23%			1
3	Phạm Ngọa Long <sup>(3)</sup>	Thành viên	10,23%			1
5	Chế Minh Lý <sup>(4)</sup>	Thành viên	20,52%		X	
4	Trần Văn Lắm <sup>(5)</sup>	Thành viên	8,63%		X	
6	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	0,00%		X	
7	Đặng Minh Thừa	Thành viên	0,00%		X	

<sup>(1)</sup> Số cổ phần nắm giữ: 10.850.000 cổ phần, chiếm 31,00% vốn điều lệ, trong đó đại diện vốn SCIC: 10.850.000 cổ phần(31%).

<sup>(2)</sup> Số cổ phần nắm giữ: 3.582.200 cổ phần, chiếm 10,23% vốn điều lệ, trong đó đại diện vốn SCIC: 3.500.000 cổ phần (10%), cá nhân: 82.200 cổ phần (0,23%).

<sup>(3)</sup> Số cổ phần nắm giữ: 3.578.900 cổ phần, chiếm 10,23% vốn điều lệ, trong đó đại diện vốn SCIC: 3.500.000 cổ phần (10%), cá nhân: 78.900 cổ phần (0,23%).

<sup>(4)</sup> Số cổ phần nắm giữ: 7.181.650 cổ phần, chiếm 20,52% vốn điều lệ. Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công Ty Cổ Phần (thay



cho ông Trần Bảy theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 20/2018/NQ/ĐHĐCĐ ngày 11/04/2018).

(<sup>5</sup>) Số cổ phần nắm giữ: 3.018.750 cổ phần, chiếm 8,63% vốn điều lệ. Đại diện vốn góp của Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang (thay cho ông Tô Thiện Hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 20/2018/NQ/ĐHĐCĐ ngày 11/04/2018).

#### **V.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

- Tiểu ban chiến lược và đầu tư phát triển.
- Tiểu ban thể chế, chính sách.
- Tiểu ban kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro.
- Tiểu ban nhân sự, lao động, tiền lương và chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Tiểu ban thi đua khen thưởng, kỷ luật.

#### **V.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị (HĐQT) duy trì hoạt động theo Điều lệ Công ty. Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp trực tiếp 05 (năm) lần, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản 04 (bốn) lần, ban hành 11 Nghị quyết, 04 Quyết định, tập trung vào các nội dung:

- Chuẩn bị chương trình, nội dung cho kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Thông qua báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo của Thường trực Ban chỉ đạo Tái cơ cấu về kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án Tái cơ cấu (ĐATCC) và cho ý kiến về các mục tiêu, giải pháp điều hành SX-KD định kỳ hàng quý.
- Thống nhất chi trả cổ tức cho cổ đông.
- Thống nhất hạn mức tín dụng và dư nợ tín dụng bình quân trong năm. Thông qua việc vay vốn tại các Ngân hàng.
- Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2018.
- Thông qua và ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty.
- Xử lý các vấn đề thuộc phạm vi, quyền hạn của HĐQT.



#### V.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có.

### V.2. Ban kiểm soát:

#### V.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

S T T	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành
1	Trần Khánh Giang	Trưởng Ban	0,01%		
2	Trần Hoàng Ngân	Thành viên			X
3	Hồng Lệ Vân	Thành viên			X

#### V.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

+ Trưởng Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

+ Ban kiểm soát đã tham gia kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm và thực hiện việc soát xét báo cáo kế toán quản trị Công ty hàng quý trong năm trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, sử dụng vốn, kiểm tra tình hình thực hiện quản lý công nợ phải thu, phải trả theo qui chế quản lý nợ Công ty, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc, xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

### V.3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

#### V.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được chi căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 20/2018/NQ/ĐHĐCĐ ngày 11/04/2018 như sau:



STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao năm 2017 chi trong năm 2018 (VNĐ)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội Đồng Quản Trị</b>		<b>336.000.000</b>	
1	Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch	48.000.000	
2	Tô Thiện Hữu	Thành viên	48.000.000	
3	Trần Bảy	Thành viên	48.000.000	
4	Nguyễn Văn tiến	Thành viên	48.000.000	
5	Nguyễn Minh Thừa	Thành viên	48.000.000	
6	Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên	48.000.000	
7	Phạm Ngọa Long	Thành viên	48.000.000	
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm Soát</b>		<b>48.000.000</b>	
1	Trần Khánh Giang	Trưởng ban	x	Nhận lương chuyên trách hàng tháng
2	Trần Hoàng Ngân	Thành viên	24.000.000	
3	Hồng Lệ Vân	Thành viên	24.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>384.000.000</b>	

- Căn cứ Điều 8 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 20/2018/NQ/ĐHĐCD ngày 11/04/2018: kết quả hoạt động kinh doanh đã được kiểm toán của năm 2018 có hiệu quả, đạt lợi nhuận so với kế hoạch, HĐQT thống nhất tạm trích trước (chưa chi) thù lao HĐQT, BKS số tiền là **384.000.000 đồng** (trong đó thù lao HĐQT là 336.000.000 đồng, thù lao BKS là 48.000.000 đồng), phục vụ cho công tác quyết toán và kiểm toán tài chính năm 2018. Việc chi trả thù lao HĐQT chỉ được Công ty thực hiện sau khi Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2019 thông qua.

- Chi lương cho Trần Khánh Giang, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách 12.000.000 đồng/tháng, tổng chi là 144.000.000 đồng/năm.

- Chi phí thông tin liên lạc với mức:

o HĐQT: Chủ tịch là 500.000 đồng/tháng, thành viên HĐQT là 300.000đồng/người/tháng. Tổng chi phí đã chi là 27.600.000 đồng/năm.

o BKS: Trưởng ban là 300.000 đồng/tháng, thành viên: 250.000 đồng/người/tháng. Tổng chi phí đã chi là 9.600.000 đồng/năm.

- Chi phí hoạt động của BKS trong năm: 12.287.311 đồng.

- Khen thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018: không có.

- Chi lương Ban Tổng Giám Đốc, gồm 3 thành viên. Tổng lương chi trong năm: 854.000.000 đồng. Cụ thể:

- Nguyễn Thanh Xuân – Tổng giám đốc – Lương: 330.000.000đ/năm.
- Phạm Ngọc Long – Phó tổng giám đốc – Lương: 264.000.000đ/năm.
- Trần Xuân Phúc – Phó tổng giám đốc – Lương: 260.000.000đ/năm.

**V.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có.

**V.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Trong năm 2018, Công ty có các giao dịch với các Công ty liên quan như sau:

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công Ty Cổ Phần	Cổ đông chiến lược (với cổ phần chiếm 20,52% tổng số cổ phần Cty	Doanh số ủy thác xuất khẩu và cung ứng gạo nội địa	21.274.301.880
			Phí giao nhận, phí ủy thác xuất khẩu	175.836.384
2	Công ty TNHH Sài Gòn An Giang	Góp vốn liên doanh	Cung cấp thịt heo, gà, vịt tươi	181.426.800
			Trích lãi thành viên góp vốn năm 2017	1.914.319.580
3	Công Ty TNHH Sài Gòn – Châu Đốc	Góp vốn liên doanh	Trích lãi thành viên góp vốn năm 2017	611.442.853

**V.3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Công ty đã thực hiện đúng theo Quy chế quản trị công ty, Điều lệ Công ty và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán được thể hiện trong phần đính kèm./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Quốc Hồ Đình Tuấn**



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 43





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tên giao dịch là An Giang Agriculture and foods Import – Export Joint Stock Company (tên viết tắt là Afix) chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1600194461 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14 tháng 07 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 05 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
- Điện thoại : 0296 3932 963
- Fax : 0296 3932 981

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Mua bán lúa giống, thóc, ngô, lúa mì, hạt ngũ cốc khác;
- Xay xát, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ, sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;
- Sơ chế gỗ; sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên		
Ông Phạm Ngọc Long	Thành viên		
Ông Trần Bảy	Thành viên		Ngày 11 tháng 04 năm 2018
Ông Chế Minh Lý	Thành viên	Ngày 11 tháng 04 năm 2018	
Ông Tô Thiện Hữu	Thành viên		Ngày 11 tháng 04 năm 2018
Ông Trần Văn Lắm	Thành viên	Ngày 11 tháng 04 năm 2018	
Ông Đặng Minh Thừa	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên		

899  
ÔNG  
NHIỆM  
ẾM T  
VIỆ  
HI NI  
CÂN  
NG  
194  
NG T  
CP  
HẬP R  
THỰC  
GIANG  
N-T

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### Ban Tổng Giám đốc

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọa Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám đốc

### Ban Kiểm soát

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Trần Khánh Giang	Trưởng Ban
Ông Trần Hoàng Ngân	Thành viên
Bà Hồng Lệ Vân	Thành viên

### Đại diện pháp luật

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

1-00  
TY  
HUU  
DAN  
TN  
AN  
THO  
TP.

67-G...  
Y  
HUU  
PHAM  
G  
ANGIANG



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **7. Công bố các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc công bố các báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**NGUYỄN THANH XUÂN**  
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019





Số: 015/2019/BCKT-CT.00106

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**  
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ  
Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2019

*hal*

**NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2019-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>331.260.005.101</b>	<b>224.732.045.905</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>5.988.269.945</b>	<b>74.378.394.978</b>
Tiền	111		5.988.269.945	4.278.394.978
Các khoản tương đương tiền	112		-	70.100.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>56.569.925.348</b>	<b>25.338.457.813</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	55.201.154.148	29.221.497.124
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.341.407.442	1.563.603.436
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	911.307.836	1.037.301.331
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(5.883.944.078)	(6.483.944.078)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>267.606.461.070</b>	<b>123.744.927.139</b>
Hàng tồn kho	141		269.121.717.759	124.143.065.394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.515.256.689)	(398.138.255)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.095.348.738</b>	<b>1.270.265.975</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	826.011.183	1.270.265.975
Thuế GTGT được khấu trừ	152		269.337.555	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>164.375.306.098</b>	<b>178.919.020.377</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>60.000.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	60.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>94.511.024.744</b>	<b>104.273.999.886</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	48.614.038.294	58.185.911.799
Nguyên giá	222		271.215.905.600	270.927.913.418
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.601.867.306)	(212.742.001.619)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	45.896.986.450	46.088.088.087
Nguyên giá	228		47.985.268.442	47.572.942.345
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.088.281.992)	(1.484.854.258)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.11	<b>2.033.079.270</b>	<b>3.001.338.507</b>
Nguyên giá	231		16.137.653.892	16.137.653.892
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.104.574.622)	(13.136.315.385)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>15.717.711.735</b>	<b>15.707.038.917</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	15.717.711.735	15.707.038.917
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>25.650.000.000</b>	<b>25.650.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		25.650.000.000	25.650.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.463.490.349</b>	<b>30.226.643.067</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	26.463.490.349	30.226.643.067
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>495.635.311.199</b>	<b>403.651.066.282</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>131.621.061.690</b>	<b>32.402.287.572</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>131.176.561.690</b>	<b>31.947.787.572</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	19.093.480.679	12.782.304.086
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.036.260.298	2.540.780.893
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	84.520.590	416.734.708
Phải trả người lao động	314		834.150.000	2.092.054.726
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	900.213.424	618.700.101
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	2.142.674.990	1.057.600.430
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	104.755.084.158	12.065.411.898
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.19	1.330.177.551	374.200.730
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>444.500.000</b>	<b>454.500.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	444.500.000	454.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>NGUỒN VỐN</b>				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		<b>364.014.249.509</b>	<b>371.248.778.710</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>364.014.249.509</b>	<b>371.248.778.710</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.955.513.581	4.875.078.692
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	2.002.602.581
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.058.735.928	14.371.097.437
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.288.308	(8.717.387.057)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.021.447.620	23.088.484.494
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>495.635.311.199</b>	<b>403.651.066.282</b>



**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
Người lập biểu

**TRẦN KIM UYÊN**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN THANH XUÂN**  
Tổng Giám đốc  
An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	<b>884.186.586.055</b>	<b>909.406.660.330</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	13.924.130.925	12.150.516.687
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>870.262.455.130</b>	<b>897.256.143.643</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.3	<b>822.729.713.748</b>	<b>843.684.985.907</b>
<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>47.532.741.382</b>	<b>53.571.157.736</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.705.345.340	3.149.937.665
Chi phí tài chính	22	6.5	5.949.075.135	9.994.190.543
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		4.324.664.436	5.673.233.155
Chi phí bán hàng	25	6.6	26.926.521.552	26.488.869.142
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	13.256.284.498	15.461.717.589
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.106.205.537</b>	<b>4.776.318.127</b>
Thu nhập khác	31	6.8	1.902.857.887	20.611.622.991
Chi phí khác	32	6.9	796.641.952	972.817.487
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.106.215.935</b>	<b>19.638.805.504</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.212.421.472</b>	<b>24.415.123.631</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	1.190.973.852	1.326.639.137
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.021.447.620</b>	<b>23.088.484.494</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	172	631

**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
Người lập biểu

**TRẦN KIM UYÊN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THANH XUÂN**

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		7.212.421.472	24.415.123.631
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11.576.007.203	15.679.320.614
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		517.118.434	(1.245.645.618)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		17.390.221	224.223
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.701.575.781)	(20.513.557.899)
Chi phí lãi vay	06		4.324.664.436	5.673.233.155
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>19.946.025.985</b>	<b>24.008.698.106</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.857.437.795)	3.266.193.022
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(145.390.978.462)	133.055.042.322
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.422.866.086	(38.832.904.936)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.211.043.874	5.752.105.727
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.963.071.681)	(5.860.486.709)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.402.307.656)	(1.082.633.020)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(50.000.000)	(390.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(152.083.859.649)</b>	<b>119.916.014.512</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(446.755.909)	(4.121.939.019)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.272.727	45.164.909.091
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(41.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	112.063.500
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.689.303.054	2.444.615.502
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.254.819.872</b>	<b>43.558.649.074</b>

441 / C / CH / KIẾ / C / CH / C / 241

461 - C / TY / KHẨU / PHẨM / AN GIANG



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	719.980.997.908	594.564.567.434
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(627.291.325.648)	(698.033.642.989)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.250.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>80.439.672.260</b>	<b>(103.469.075.555)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(68.389.367.517)</b>	<b>60.005.588.031</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>		<b>74.378.394.978</b>	<b>14.372.820.418</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(757.516)	(13.471)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	5.1	<b>5.988.269.945</b>	<b>74.378.394.978</b>

**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
Người lập biểu

**TRẦN KIM UYÊN**  
Kê toán trưởng



**NGUYỄN THANH XUÂN**  
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019

1995  
NG  
HIỆM  
V.TC  
LỄ  
NH.  
AN T  
IG



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG  
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang là công ty cổ phần.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Mua bán lúa giống, thóc, ngô, lúa mì, hạt ngũ cốc khác;
- Xay xát, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ, sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;
- Sơ chế gỗ; sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Công ty

#### Các chi nhánh trực thuộc

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Xuất khẩu Lương Thực	Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lương thực
Chi nhánh Xí nghiệp Thức Ăn Chăn nuôi Thủy Sản	Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Thức ăn gia súc
Chi nhánh Xí nghiệp Chế biến Lâm Súc Sản	Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lâm súc sản
Chi nhánh Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh	Áp Trung Bình Tiến, Xã Vĩnh Trạch, H. Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Chăn nuôi
Ban quản lý dự án Khu dân cư TTTM Nam Châu Đốc	Áp Mỹ Chánh, Xã Mỹ Đức, H. Châu Phú, tỉnh An Giang	Bất động sản
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 04, 186 Đường Đặng Văn Ngữ, Phường 14, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	Dịch vụ

#### Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang	12 Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh siêu thị	15%	15%	15%
Công ty TNHH Sài Gòn – Châu Đốc	Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản	25%	25%	25%

002  
Y  
ĐƯ HU  
ÁN  
NA  
ÁNH  
HO  
TP.C

1600  
C  
C  
UẤT N  
ÔNG SẢ  
AN  
S XUY



## 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được so sánh với số liệu tương ứng của năm trước.

## 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 247 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 259 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty có khoản vay ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

###### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.





# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

189  
ĐNK  
HIỆP  
M.T  
L  
NH  
N.TI  
-T  
=





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### ***Lợi thế kinh doanh***

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty Cổ phần thực hiện phân bổ.

##### **Chi phí khác chờ phân bổ**

Chi phí khác chờ phân bổ như: đàn heo mẹ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế là 80 tháng.

#### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:



<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 50 năm
Máy móc thiết bị	06 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
Tài sản cố định khác	04 – 25 năm

#### 4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	17 năm
Quyền sử dụng đất	20 – 30 năm

#### 4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao từ 25 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

#### **4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### **4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### **Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.



- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.



#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm 2018, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

#### **4.17 Quỹ tiền lương**

Trong năm, Công ty đã thực hiện tạm trích chi phí tiền lương trên cơ sở kế hoạch lương đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2018 thông qua và đang trình Hội đồng quản trị phê duyệt quyết toán quỹ lương theo số liệu tạm trích.

#### **4.18 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn**

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 08 % trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

#### **4.19 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



#### 4.20 Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### 4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty/đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Công ty</b>	<b>Quan hệ</b>
Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam - Công Ty Cổ Phần	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Sài Gòn – Châu đốc	Công ty liên doanh
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

1000  
CÓ  
ÁCH NH  
KIẾ  
FC V  
CHI  
C  
RÁN  
019  
NG  
CP  
NHẬP  
AN TH  
GIA  
ÊN -

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt - VND	1.366.932.317	2.660.391.519
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.621.337.628	1.618.003.459
- VND	4.306.112.655	1.473.054.675
- EUR (*)	6.581.068	7.044.561
- USD (*)	308.643.905	137.904.223
Các khoản tương đương tiền - VND	-	70.100.000.000
	<b>5.988.269.945</b>	<b>74.378.394.978</b>

(\*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- EUR	249,91	6.581.068
- USD	13.336,86	308.643.905
		<b>315.224.973</b>

**5.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang	6.900.000.000	-	(*) 6.900.000.000	6.900.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Sài Gòn – Châu Đốc	18.750.000.000	-	(*) 18.750.000.000	18.750.000.000	-	(*)
	<b>25.650.000.000</b>	<b>-</b>	<b>25.650.000.000</b>	<b>25.650.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Nguyên tệ USD	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>			
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn - An Giang		-	37.303.306
Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam - Công Ty Cổ Phần	255.887,77 #	5.928.919.631	477.774.784
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>			
Cửa hàng Hoàng Quý		8.303.637.549	2.672.439.233
Công ty CP XNK Thủy Sản An Mỹ		7.640.892.000	-
Công ty TNHH Thanh Nguyên		1.126.429.440	1.726.429.440
Công ty TNHH Cargill Việt Nam		762.287.554	1.223.289.503
Ông Trần Quang Khải (Thoại Sơn)		2.701.685.150	4.934.040.690
Công ty TNHH Lương Thực Đức Thịnh		-	5.658.800.000
Các khách hàng khác		28.737.302.824	12.491.420.168
		<b>55.201.154.148</b>	<b>29.221.497.124</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Pesquera Pacifica Star S.A	5.329.874.832	-
Công ty TNHH Phước Thạnh	979.672.500	979.672.500
Các khách hàng khác	31.860.110	583.930.936
	<b>6.341.407.442</b>	<b>1.563.603.436</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư chi phí sản xuất mì và cấp hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	140.455.087	-	234.774.375	-
Lãi dự thu của các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	111.093.751	-
Công ty TNHH Thanh Nguyên – Phải thu về lãi bán hàng chậm trả	605.238.149	(605.238.149)	605.238.149	(605.238.149)
Phải thu ngắn hạn khác	165.614.600	-	86.195.056	-
	<b>911.307.836</b>	<b>(605.238.149)</b>	<b>1.037.301.331</b>	<b>(605.238.149)</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>				
<b>Quá hạn trên 3 năm</b>				
Công ty cổ phần Việt An	3.172.603.989	-	3.172.603.989	-
Công ty TNHH Thanh Nguyên	1.731.667.589	-	2.331.667.589	-
Công ty TNHH Phước Thạnh	979.672.500	-	979.672.500	-
	<b>5.883.944.078</b>	<b>-</b>	<b>6.483.944.078</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	(5.504.271.578)	(979.672.500)	(6.483.944.078)
Trích lập dự phòng	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	600.000.000	-	600.000.000
Tại ngày 31/12/2018	<b>(4.904.271.578)</b>	<b>(979.672.500)</b>	<b>(5.883.944.078)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	19.606.047.316,00	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	110.529.965.281	-	74.677.238.059	-
Công cụ dụng cụ	2.762.446.833	-	3.642.607.662	-
Chi phí SXKD dở dang	14.803.442.229	-	10.648.899.673	(398.138.255)
Thành phẩm	67.041.637.692	-	12.866.029.865	-
Thành phẩm bất động sản	-	-	12.679.574.569	-
Hàng hóa	54.378.178.408	(1.515.256.689)	9.628.715.566	-
	<b>269.121.717.759</b>	<b>(1.515.256.689)</b>	<b>124.143.065.394</b>	<b>(398.138.255)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị hàng tồn kho đang được thế chấp tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) với tổng giá trị là 3,2 triệu USD.

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí làm hàng, giao nhận, ủy thác xuất khẩu	-	86.191.950
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	583.903.300	607.243.459
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	94.428.063	120.377.364
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	147.679.820	456.453.202
	<b>826.011.183</b>	<b>1.270.265.975</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	21.215.090.752	26.872.448.284
Giá trị đản heo chờ phân bổ	2.446.755.240	2.292.558.911
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.801.644.357	1.061.635.872
	<b>26.463.490.349</b>	<b>30.226.643.067</b>

(\*) Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong vòng 10 năm. Tổng giá trị lợi thế kinh doanh đã phân bổ theo Thông tư 138/2012/TT-BTC đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 35.358.484.575 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 01/01/2018	122.145.007.684	121.364.394.018	20.830.838.478	3.524.982.250	3.062.690.988	<b>270.927.913.418</b>
Mua sắm trong năm	-	32.000.000	210.000.000	-	-	242.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	190.446.727	-	-	-	-	190.446.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	110.000.000	34.454.545	-	144.454.545
Vào ngày 31/12/2018	<u>122.335.454.411</u>	<u>121.396.394.018</u>	<u>20.930.838.478</u>	<u>3.490.527.705</u>	<u>3.062.690.988</u>	<b><u>271.215.905.600</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Vào ngày 01/01/2018	90.293.126.010	100.485.395.195	17.486.114.254	2.676.949.397	1.800.416.763	<b>212.742.001.619</b>
Khấu hao trong năm	3.491.566.496	5.451.705.420	655.041.717	296.249.566	109.757.033	10.004.320.232
Thanh lý, nhượng bán	-	-	110.000.000	34.454.545	-	144.454.545
Vào ngày 31/12/2018	<u>93.784.692.506</u>	<u>105.937.100.615</u>	<u>18.031.155.971</u>	<u>2.938.744.418</u>	<u>1.910.173.796</u>	<b><u>222.601.867.306</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 01/01/2018	31.851.881.674	20.878.998.823	3.344.724.224	848.032.853	1.262.274.225	<b>58.185.911.799</b>
Vào ngày 31/12/2018	<u>28.550.761.905</u>	<u>15.459.293.403</u>	<u>2.899.682.507</u>	<u>551.783.287</u>	<u>1.152.517.192</u>	<b><u>48.614.038.294</u></b>
<b>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</b>						
Vào ngày 01/01/2018	45.526.390.404	41.508.148.059	10.981.844.543	1.190.116.926	993.353.170	<b>100.199.853.102</b>
Vào ngày 31/12/2018	<u>52.635.023.453</u>	<u>52.156.548.059</u>	<u>14.838.150.584</u>	<u>1.229.257.336</u>	<u>1.107.761.170</u>	<b><u>121.966.740.602</u></b>
<b>Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp các khoản vay:</b>						
Vào ngày 01/01/2018	11.343.847.021	13.386.801.352	-	-	713.310.110	<b>25.443.958.483</b>
Vào ngày 31/12/2018	<u>14.923.678.154</u>	<u>10.463.504.663</u>	-	-	-	<b><u>25.387.182.817</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2018	47.314.548.475	258.393.870	47.572.942.345
Tăng khác	412.326.097	-	412.326.097
Vào ngày 31/12/2018	47.726.874.572	258.393.870	47.985.268.442
<b>Khấu hao trong năm</b>			
Vào ngày 01/01/2018	1.261.998.419	222.855.839	1.484.854.258
Khấu hao trong năm	581.822.003	21.605.731	603.427.734
Vào ngày 31/12/2018	1.843.820.422	244.461.570	2.088.281.992
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2018	46.052.550.056	35.538.031	46.088.088.087
Vào ngày 31/12/2018	45.883.054.150	13.932.300	45.896.986.450
<b>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</b>			
Vào ngày 01/01/2018	-	92.195.940	92.195.940
Vào ngày 31/12/2018	-	92.195.940	92.195.940
<b>Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình đem thế chấp các khoản vay của Công ty:</b>			
Vào ngày 01/01/2018	41.364.781.757	-	41.364.781.757
Vào ngày 31/12/2018	44.040.959.754	-	44.040.959.754

**5.11 Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2018	16.137.653.892
Vào ngày 31/12/2018	16.137.653.892
<b>Khấu hao trong năm</b>	
Vào ngày 01/01/2018	13.136.315.385
Khấu hao trong năm	968.259.237
Vào ngày 31/12/2018	14.104.574.622
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2018	3.001.338.507
Vào ngày 31/12/2018	2.033.079.270



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2018	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>					
Hệ thống cân tự động TC.40	-	32.000.000	(32.000.000)	-	-
Hệ thống Cân, bơm, hút thổi trấu	-	210.000.000	(210.000.000)	-	-
<b>Xây dựng cơ bản</b>					
Dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc (*)	15.703.402.553	14.309.182	-	-	15.717.711.735
Các công trình khác	-	190.446.727	(190.446.727)	-	-
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>					
Trụ sở làm việc Công ty	3.636.364	595.607.273	-	(599.243.637)	-
Cải tạo lò hơi CNCTY.XNCB Thức ăn Chăn nuôi Thủy sản	-	342.106.401	-	(342.106.401)	-
Mặt đê hầm cá tổ thủy sản của Trại CN Vĩnh Khánh	-	103.000.000	-	(103.000.000)	-
Cải tạo phân xưởng giết mổ gia cầm CNCTY. XNCBLSS	-	204.186.228	-	(204.186.228)	-
Các công trình khác	-	512.302.360	-	(512.302.360)	-
	<b>15.707.038.917</b>	<b>2.203.958.171</b>	<b>(432.446.727)</b>	<b>(1.760.838.626)</b>	<b>15.717.711.735</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú với diện tích 22.287,4 m<sup>2</sup> tương ứng với tổng giá trị là 15.717.711.735 VND hiện tạm dừng đầu tư để thực hiện chuyển nhượng hoặc khai thác các phương án sử dụng khác có hiệu quả hơn theo đề án tái cơ cấu doanh nghiệp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần HUM	-	2.717.651.800
Công ty Cổ phần Bột Mì Đại Phong	3.313.347.000	2.112.500.000
Công ty TNHH TM Sản xuất Trại Việt	1.917.552.000	370.000.000
Công ty TNHH Thiết Lập	2.940.100.000	-
Các nhà cung cấp khác	10.922.481.679	7.582.152.286
	<b>19.093.480.679</b>	<b>12.782.304.086</b>

**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ông Trương Văn Sẻ (Bình Hòa)	13.026.146	288.297.865
Bà Bạch Thủy Kiều Phương (Hồng Ngự)	626.465.402	358.423.928
Ông Nguyễn Văn Hai (An Phú)	-	304.100.966
Bà Trần Thị Hoa (An Phú)	196.832.178	-
BQL DAĐTXD Huyện Châu Thành	-	285.100.000
Bà Neang Pha Ly (Hà Tiên)	237.353.171	55.550.104
Ông Lê Hữu Tài (Mỹ Tho)	154.878.510	123.568.874
Các khách hàng khác	807.704.891	1.125.739.156
	<b>2.036.260.298</b>	<b>2.540.780.893</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		31/12/2018	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT đầu ra	108.262.848	-	35.115.535	(143.378.383)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	2.101.245.486	(2.101.245.486)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	241.506.117	-	1.190.973.852	(1.402.307.656)	(*) 30.172.313	-
Thuế thu nhập cá nhân	61.207.103	-	364.995.068	(374.781.294)	51.420.877	-
Thuế tài nguyên	5.758.640	-	11.475.520	(16.248.560)	985.600	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.271.492.327	(3.271.492.327)	-	-
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	-	84.115.992	(84.115.992)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	19.727.340	(17.785.540)	1.941.800	-
	<b>416.734.708</b>	<b>-</b>	<b>7.079.141.120</b>	<b>(7.411.355.238)</b>	<b>84.520.590</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản là 32.672.313 VND và thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa từ hoạt động kinh doanh chính là 2.500.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là không tính thuế, không chịu thuế, 0%, 5% và 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty đang áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp “TNDN” hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.171.092.945</b>	<b>16.463.895.901</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	589.727.896	1.302.781.923
- Các khoản điều chỉnh giảm	(367.756.394)	(1.362.023.169)
- Các khoản không tính thuế	2.525.762.433	2.175.552.199
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(132.697.986)</b>	<b>14.229.102.456</b>
Chuyển lỗ các năm trước	-	(14.229.102.456)
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.041.328.527</b>	<b>7.951.227.730</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	377.039.488	1.368.066.708
- Các khoản điều chỉnh giảm	(275.477.896)	(1.008.428.972)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.142.890.119</b>	<b>8.310.865.466</b>
Chuyển lỗ từ các năm trước	-	(1.677.669.780)
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>5.142.890.119</b>	<b>6.633.195.686</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.028.578.024	1.326.639.137
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung năm trước	162.395.828	-
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.190.973.852</b>	<b>1.326.639.137</b>



0194  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 XUẤT NHẬP  
 KHẨU NÔNG  
 SẢN THỰC  
 PHẨM AN  
 GIANG  
 HỒ CHÍ MINH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	372.969.131	11.376.376
Trích trước phí vận chuyển	71.577.000	103.274.540
Trích trước tiền thù lao của HĐQT và BKS	384.000.000	384.000.000
Trích trước các khoản chi phí khác	71.667.293	120.049.185
	<b>900.213.424</b>	<b>618.700.101</b>

### 5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

#### 5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	47.188.030	46.852.330
Bảo hiểm xã hội	607.889.379	298.301.550
Bảo hiểm y tế	37.274.532	52.641.450
Bảo hiểm thất nghiệp	47.677.667	23.396.200
Phải trả về cổ phần hóa	435.857.100	435.857.100
Trích trước chiết khấu thương mại	349.624.454	-
Phải trả khác	617.163.828	200.551.800
	<b>2.142.674.990</b>	<b>1.057.600.430</b>

#### 5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	444.500.000	454.500.000

### 5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay Ngắn hạn ngân hàng, tổ chức và các cá nhân khác</b>				
Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh An Giang	363.340.000	363.340.000	3.123.380.853	3.123.380.853
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh An Giang	-	-	4.386.514.220	4.386.514.220
Ngân hàng BIDV – Chi nhánh An Giang	39.348.290.887	39.348.290.887	-	-
Ngân hàng HSBC (Việt Nam)	63.748.021.446	63.748.021.446	2.460.000.000	2.460.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	1.295.431.825	1.295.431.825	2.095.516.825	2.095.516.825
	<b>104.755.084.158</b>	<b>104.755.084.158</b>	<b>12.065.411.898</b>	<b>12.065.411.898</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty là các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng có số dư và lãi suất vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày như sau:

	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn tháng	31/12/2018 VND
Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh An Giang	5,8	03	363.340.000
Ngân hàng BIDV – Chi nhánh An Giang	5,5	04	39.348.290.887
Ngân hàng HSBC (Việt Nam)	4,8	04	63.748.021.446
Vay ngắn hạn cá nhân	5,28	12	1.295.431.825
			<b>104.755.084.158</b>

Chi tiết về số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2018 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2018 VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh An Giang - VND (a)	3.123.380.853	337.639.135.773	(340.399.176.626)	363.340.000
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh An Giang	4.386.514.220	30.446.721.292	(34.833.235.512)	
Ngân hàng BIDV – Chi nhánh An Giang (b)	-	222.661.650.013	(183.313.359.126)	39.348.290.887
Ngân hàng HSBC (Việt Nam) (c)	2.460.000.000	119.641.563.830	(58.353.542.384)	63.748.021.446
Vay ngắn hạn cá nhân (d)	2.095.516.825	9.591.927.000	(10.392.012.000)	1.295.431.825
	<b>12.065.411.898</b>	<b>719.980.997.908</b>	<b>(627.291.325.648)</b>	<b>104.755.084.158</b>

(a) Đây là khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 100.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi, lúa gạo của Công ty.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản và bất động sản.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày là 31.977.278.874 VND.

(b) Đây là khoản vay của Hợp đồng cho vay theo hạn mức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 100.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C,...
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản và bất động sản.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày là 10.112.033.584 VND.

(c) Đây là khoản vay của của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) với các chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 6.400.000 USD quy đổi VND tương đương.
Mục đích vay	: Đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại.

448  
 CỘNG  
 HÒA  
 KIỂM  
 VI  
 HỊN  
 CÁN  
 NG-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hình thức đảm bảo : Thẻ chấp tài sản cố định, các khoản phải thu và hàng hóa trong kho.  
Giá trị tài sản thế chấp : Giá trị còn lại của Tài sản cố định được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày là 3.978.983.057 VND. Và Thẻ chấp các khoản phải thu 3,2 triệu USD, giá trị hàng hóa trong kho 3,2 triệu USD.

(d) Đây là khoản vay cá nhân với lãi suất bằng với lãi suất thị trường theo từng thời điểm vay vốn. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng. Phương thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

**5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2018	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	368.913.084	1.005.976.821	(50.000.000)	1.324.889.905
Quỹ phúc lợi	5.287.646	-	-	5.287.646
	<b>374.200.730</b>	<b>1.005.976.821</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>1.330.177.551</b>

95-0  
C TY  
NHỮU  
CO AN  
T.N.  
I ANI  
THO  
TP.C

160  
CÔ  
QUAT  
ONGSA  
AN  
IG XU



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.20 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**

**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	350.000.000.000	4.875.078.692	2.002.602.581	(8.717.387.057)	348.160.294.216
Lãi trong năm	-	-	-	23.088.484.494	23.088.484.494
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>4.875.078.692</b>	<b>2.002.602.581</b>	<b>14.371.097.437</b>	<b>371.248.778.710</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	350.000.000.000	4.875.078.692	2.002.602.581	14.371.097.437	371.248.778.710
Lãi trong năm	-	-	-	6.021.447.620	6.021.447.620
Điều chuyển quỹ	-	2.002.602.581	(2.002.602.581)	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	1.077.832.308	-	(1.077.832.308)	-
Chi cổ tức năm 2017	-	-	-	(12.250.000.000)	(12.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.005.976.821)	(1.005.976.821)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>7.955.513.581</b>	<b>-</b>	<b>6.058.735.928</b>	<b>364.014.249.509</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.20.2 Chi tiết vốn góp đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)	178.500.000.000	51,00	178.500.000.000	51,00
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công Ty Cổ Phần (i)	71.816.500.000	20,52	71.816.500.000	20,52
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang	30.187.500.000	8,63	30.187.500.000	8,63
Các cổ đông khác	69.496.000.000	19,85	69.496.000.000	19,85
	<b>350.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

(i) Trước là Công ty TNHH MTV - Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam.

**5.20.3 Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

**5.20.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 20/2018/NQ.ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2018:

	VND
Chi cổ tức trong năm	12.250.000.000
Trích lập các quỹ	2.083.809.129
Trong đó:	
- Quỹ đầu tư phát triển	1.077.832.308
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.005.976.821

Tại ngày kết thúc năm tài chính không có cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi.

**5.21 Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại	31/12/2018	01/01/2018
Euro (EUR)	249,91	260,83
Dollar Mỹ (USD)	13.336,86	6.082,76



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng Doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	848.387.345.827	842.901.128.613
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.804.288.569	53.170.942.531
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	18.994.951.659	13.334.589.186
	<b>884.186.586.055</b>	<b>909.406.660.330</b>

##### 6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công Ty Cổ Phần	21.274.301.880	9.564.765.290
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang	181.426.800	954.607.950
	<b>21.455.728.680</b>	<b>10.519.373.240</b>

#### 6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chiết khấu thương mại	13.031.439.196	11.420.051.147
Hàng bán bị trả lại	892.691.729	730.465.540
	<b>13.924.130.925</b>	<b>12.150.516.687</b>

#### 6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	796.165.440.736	788.311.076.380
Giá vốn của dịch vụ	13.179.906.106	48.763.852.574
Giá vốn kinh doanh bất động sản	12.267.248.472	8.661.528.744
Trích/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.117.118.434	(2.051.471.791)
	<b>822.729.713.748</b>	<b>843.684.985.907</b>

#### 6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.163.540.621	269.063.303
Lãi góp vốn liên doanh	2.525.762.433	2.175.552.199
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh	784.423.209	59.130.674
Lãi trễ hạn thanh toán	220.934.145	646.191.489
Lãi khác	10.684.932	-
	<b>4.705.345.340</b>	<b>3.149.937.665</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.5 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	4.324.664.436	5.673.233.155
Chiết khấu thanh toán	1.238.456.301	4.279.203.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh	368.564.177	41.529.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ	17.390.221	224.223
	<b>5.949.075.135</b>	<b>9.994.190.543</b>

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.324.983.930	5.397.437.826
Chi phí vật liệu, bao bì	1.395.122.278	265.293.457
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	150.047.577	128.751.551
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.031.804.828	1.870.024.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.976.369.283	14.963.787.700
Chi phí bán hàng khác	9.048.193.656	3.863.573.663
	<b>26.926.521.552</b>	<b>26.488.869.142</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.677.654.499	4.680.413.060
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.988.295	124.961.739
Chi phí khấu hao TSCĐ	302.846.496	571.252.643
Chi phí thuế, lệ phí	392.866.853	110.757.573
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(600.000.000)	956.372.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	801.339.295	608.127.581
Chi phí quản lý khác	7.547.589.060	8.409.832.340
<i>Trong đó: Chi phí giá trị lợi thế kinh doanh</i>	5.657.357.532	5.657.357.532
	<b>13.256.284.498</b>	<b>15.461.717.589</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	12.272.727	18.068.942.397
<i>Thu từ hoạt động thanh lý</i>	12.272.727	45.164.909.091
<i>Giá trị còn lại của tài sản thanh lý</i>	-	(27.095.966.694)
Lãi từ bán heo loại, công cụ lao động	1.514.792.547	1.867.795.958
Thu nhập từ bồi thường hao hụt	85.494.000	373.521.286
Thu nhập từ chiết khấu hàng hóa	129.457.363	139.779.000
Bồi thường, phạt vi phạm	140.000.000	110.400.000
Thu nhập khác	20.841.250	51.184.350
	<b>1.902.857.887</b>	<b>20.611.622.991</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.9 Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá trị còn lại của heo loại, công cụ lao động	654.831.738	539.781.619
Bồi thường hao hụt hàng hóa	84.966.000	345.498.390
Chi phí khác	56.844.214	87.537.478
	<b>796.641.952</b>	<b>972.817.487</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.021.447.620	23.088.484.494
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.005.976.821)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.021.447.620	22.082.507.673
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	35.000.000	35.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>172</b>	<b>631</b>

**6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	848.729.167.455	644.170.996.564
Chi phí nhân công	29.977.863.838	46.923.072.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.576.007.203	15.679.320.614
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.609.316.930	51.331.029.272
Chi phí khác	20.296.878.013	16.196.960.566
	<b>957.189.233.439</b>	<b>774.301.379.869</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	719.980.997.908	594.564.567.434

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	627.291.325.648	698.033.642.989

195-C  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 XUẤT NHẬP  
 KHẨU NÔNG  
 SẢN THỰC  
 PHẨM AN  
 GIANG  
 P. CP  
 1994  
 NG  
 CP  
 NHẬP  
 KHẨU  
 NÔNG  
 SẢN  
 THỰC  
 PHẨM  
 AN  
 GIANG  
 P. CP  
 1994

## 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro về tỷ giá hối đoái*

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
Các khoản vay và nợ	104.755.084.158	-	104.755.084.158
Phải trả người bán, phải trả khác	20.060.268.961	444.500.000	20.504.768.961
Chi phí phải trả	900.213.424	-	900.213.424
	<b>125.715.566.543</b>	<b>444.500.000</b>	<b>126.160.066.543</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2018</b>			
Vay và nợ	12.065.411.898	-	12.065.411.898
Phải trả người bán, phải trả khác	12.982.855.886	454.500.000	13.437.355.886
Chi phí phải trả	618.700.101	-	618.700.101
	<b>25.666.967.885</b>	<b>454.500.000</b>	<b>26.121.467.885</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay. (Thuyết minh số 5.7, 5.9 và 5.10).

**Giá trị hợp lý**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	44.973.201.088	23.807.385.605	44.973.201.088	23.807.385.605
Phải thu các bên liên quan	5.928.919.631	515.078.090	5.928.919.631	515.078.090
Các khoản phải thu khác	306.069.687	492.063.182	306.069.687	492.063.182
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư ngắn hạn		-		-
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.988.269.945	74.378.394.978	5.988.269.945	74.378.394.978
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.196.460.351</b>	<b>99.192.921.855</b>	<b>57.196.460.351</b>	<b>99.192.921.855</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2018 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	104.755.084.158	12.065.411.898	104.755.084.158	12.065.411.898
Phải trả người bán	19.093.480.679	12.782.304.086	19.093.480.679	12.782.304.086
Phải trả khác	1.061.663.828	655.051.800	1.061.663.828	655.051.800
Chi phí phải trả	900.213.424	618.700.101	900.213.424	618.700.101
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.810.442.089</b>	<b>26.121.467.885</b>	<b>125.810.442.089</b>	<b>26.121.467.885</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lương và thưởng	1.190.000.000	968.940.000

##### 9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

*Giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết:*

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	181.426.800	954.607.950
Lãi góp vốn liên doanh	1.914.319.580	2.175.552.199



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Công ty TNHH Sài Gòn – Châu Đốc</b>		
Lãi góp vốn liên doanh	611.442.853	-

*Công nợ với các công ty liên doanh, liên kết:*

Công nợ phải thu với công ty liên doanh, liên kết như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	37.303.306

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công Ty Cổ Phần</b>		
Phí giao nhận, phí ủy thác	175.836.384	74.450.407
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	21.274.301.880	9.564.765.290
Công nợ phải thu với bên liên quan khác như sau:		
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND

<b>Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công Ty Cổ Phần</b>		
Phải thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.928.919.631	477.774.784

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có số dư công nợ phải trả giữa Công ty với các bên có liên quan khác.

## 9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

### 9.2.1 Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản
- Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

48  
 CỘNG  
 HỮU  
 GIỮA  
 VI  
 HI NI  
 ĐẢN  
 NG-  
 019  
 NG  
 CP  
 NHẬP  
 AN TH  
 GIẢI  
 EN-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ VND	Cộng  VND
<b>Năm 2018</b>			
Doanh thu thuần	834.463.214.902	35.799.240.228	870.262.455.130
Chi phí phân bổ	(797.282.559.170)	(25.447.154.578)	(822.729.713.748)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>37.180.655.732</b>	<b>10.352.085.650</b>	<b>47.532.741.382</b>
Chi phí không phân bổ			(40.182.806.050)
Thu nhập hoạt động tài chính			4.705.345.340
Chi phí hoạt động tài chính			(5.949.075.135)
Thu nhập khác			1.902.857.887
Chi phí khác			(796.641.952)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>7.212.421.472</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành		(1.190.973.852)	(1.190.973.852)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>6.021.447.620</b>
<b>Vào ngày 31/12/2018</b>			
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tài sản của bộ phận	415.632.091.493	19.221.294.335	434.853.385.828
Tài sản không phân bổ			60.781.925.371
<b>Tổng tài sản</b>	<b>415.632.091.493</b>	<b>19.221.294.335</b>	<b>495.635.311.199</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	266.632.091.493	17.612.610.385	284.244.701.878
Nợ phải trả không phân bổ			(152.623.640.188)
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>266.632.091.493</b>	<b>17.612.610.385</b>	<b>131.621.061.690</b>
<b>Năm 2017</b>			
Doanh thu thuần	830.750.611.926	66.505.531.717	897.256.143.643
Chi phí phân bổ	786.259.604.589	57.425.381.318	843.684.985.907
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>44.491.007.337</b>	<b>9.080.150.399</b>	<b>53.571.157.736</b>
Chi phí không phân bổ			(41.950.586.731)
Thu nhập hoạt động tài chính			3.149.937.665
Chi phí hoạt động tài chính			(9.994.190.543)
Thu nhập khác			20.611.622.991
Chi phí khác			(972.817.487)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>24.415.123.631</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành		(1.326.639.137)	(1.326.639.137)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>23.088.484.494</b>
<b>Vào ngày 31/12/2017</b>			
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tài sản của bộ phận	235.856.925.592	32.923.042.102	268.779.967.694
Tài sản không phân bổ			134.871.098.588
<b>Tổng tài sản</b>	<b>235.856.925.592</b>	<b>32.923.042.102</b>	<b>403.651.066.282</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	78.418.853.944	29.097.942.178	107.516.796.122
Nợ phải trả không phân bổ			(75.114.508.550)
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>78.418.853.944</b>	<b>29.097.942.178</b>	<b>32.402.287.572</b>

95-002  
 CÔNG TY  
 HỮU HẠN  
 AN GIANG  
 ANH  
 TH  
 TP. CẦN

461-C  
 CÔNG TY  
 KHẨU  
 PHÂN  
 AN GIANG



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**  
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**9.2.2 Thông tin về khu vực địa lý**

Thông tin thuyết minh về khu vực địa lý bao gồm nội địa và xuất khẩu.

	Hoạt động trong nước VND	Hoạt động xuất khẩu VND	Cộng VND
<b>Năm 2018</b>			
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	770.504.105.943	99.758.349.187	870.262.455.130
Giá vốn hàng bán	(730.615.929.994)	(92.113.783.754)	(822.729.713.748)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>39.888.175.949</b>	<b>7.644.565.433</b>	<b>47.532.741.382</b>

**9.3 Số liệu so sánh**

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
--	-------	---------------------------------	-----------------------	-------------------------------	---------

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

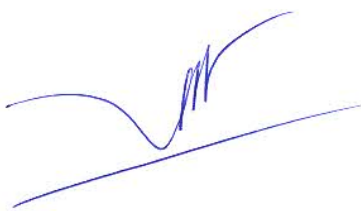
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	660	(29)	631	(i)
(i) Hồi tổi lãi cơ bản trên cổ phiếu do trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 20/2018/NQ.ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2018 và trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 1.005.976.821 VND, vì vậy phải hồi tổi lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017.					

**9.4 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
Người lập biểu



**TRẦN KIM UYÊN**  
Kê toán trưởng



**NGUYỄN THANH XUÂN**  
Tổng Giám đốc  
An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019